

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/06/2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 12/09/2012)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 496/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 02/06/2015)

TỔ CHỨC TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Trụ sở chính: Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (84-612) 225 899 Fax: (84-612) 225 897 Website: www.pvpnt2.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 38 24 28 97 Fax: (84-8) 38 24 29 97 Website: www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Ông Trịnh Quốc Thắng

Chức vụ: Phó phòng TCNSĐT, Người công bố thông tin

Điện thoại: (84-612) 225 899 Fax: (84-612) 225 897 Email: trinhtang@pvt2.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/06/2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 12/09/2012)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU **TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	:	256.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	:	2.560.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3824 2897

Fax: (84-8) 3824 2997

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3936 6321

Fax: (84-4) 3936 6311

E-mail: ssi-hn@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 18, Tòa nhà Times Square, Số 22 – 36 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3910 0751

Fax: (84-8) 3910 0750

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Website: www.deloitte.com/vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	8
1.	Rủi ro về kinh tế.....	8
2.	Rủi ro về luật pháp.....	9
3.	Rủi ro do đặc thù ngành.....	9
4.	Rủi ro về biến động giá cổ phiếu.....	13
5.	Rủi ro khác.....	13
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	14
1.	Tổ chức niêm yết.....	14
2.	Tổ chức tư vấn.....	14
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	15
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	16
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	16
1.1	Thông tin chung.....	16
1.3	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	17
1.5	Các thành tích nổi bật:.....	19
2.	Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty.....	20
3.	Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	21
4.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	21
5.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Cơ cấu cổ đông.....	34
5.1	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	34
5.2	Cơ cấu cổ đông của Công ty.....	34
6.	Danh sách Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết.....	35
6.1	Danh sách Công ty mẹ.....	35
6.2	Danh sách các công ty con.....	35
6.3	Danh sách các công ty liên doanh, liên kết.....	35
7.	Hoạt động kinh doanh.....	36
7.1	Sản lượng sản phẩm / giá trị dịch vụ qua các năm.....	36
7.1.1	Các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty.....	36
7.1.2	Dự án đã thực hiện - Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.....	36

7.1.3	Dự án dự kiến thực hiện - Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng	38
7.1.4	Cơ cấu Tổng doanh thu của Công ty qua các năm:	40
7.2	Nguyên vật liệu.....	41
7.3	Chi phí sản xuất.....	42
7.4	Trình độ công nghệ.....	43
7.5	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm.....	43
7.6	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm.....	44
7.7	Hoạt động Marketing.....	44
7.8	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	45
7.9	Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:	46
8.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	47
8.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh.....	47
8.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh	48
8.2.1	Thuận lợi.....	48
8.2.2	Khó khăn.....	49
9.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	50
9.1	Phân tích SWOT.....	50
9.1.1	Điểm mạnh.....	50
9.1.2	Điểm yếu.....	50
9.1.3	Cơ hội.....	51
9.1.4	Nguy cơ	51
9.2	Vị thế của Công ty trong ngành.....	51
9.3	Triển vọng phát triển của ngành.....	52
9.3.1	Tổng quan ngành	52
9.3.2	Triển vọng ngành:	54
9.5	So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp trong cùng ngành.....	55
9.5.1	So sánh về tình hình hoạt động kinh doanh:	55
9.5.2	So sánh về tình hình tài chính:	56
9.6	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.....	57
10.	Chính sách đối với người lao động.....	58

11.	Chính sách cổ tức.....	60
12.	Tình hình hoạt động tài chính.....	60
12.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	65
13.	Hội đồng Quản trị; Ban Giám đốc; Ban kiểm soát; Giám đốc tài chính; Kế toán trưởng.....	67
13.1	Hội Đồng Quản Trị.....	67
13.1.1	Ông LÊ TỰ HIẾU – Chủ tịch HĐQT.....	67
13.1.2	Ông HOÀNG XUÂN QUỐC – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc.....	69
13.1.3	Ông LƯƠNG NGỌC ANH – Thành viên HĐQT.....	70
13.1.4	Ông NGUYỄN MINH TUẤN - Thành viên HĐQT.....	72
13.1.5	Bà NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Thành viên HĐQT.....	73
13.3	Ban Giám đốc.....	74
13.3.1	Ông HOÀNG XUÂN QUỐC – Giám đốc.....	74
13.3.2	Ông TRẦN QUANG THIÊN – Phó Giám đốc.....	74
13.3.3	Ông NGÔ ĐỨC NHÂN – Phó Giám đốc.....	76
13.3.4	Ông TRẦN QUANG MÃN – Phó Giám đốc.....	77
13.3.5	Ông NGUYỄN NGỌC HẢI – Phó Giám đốc.....	78
13.4	Ban Kiểm Soát.....	79
13.4.1	Bà NGUYỄN THỊ HÀ – Trưởng Ban kiểm soát.....	79
13.4.2	Bà TRẦN QUỐC HÙNG – Thành viên Ban kiểm soát.....	81
13.4.3	Ông NGUYỄN VĂN KỶ – Thành viên Ban kiểm soát.....	83
13.5	Kế toán trưởng.....	84
	Ông NGUYỄN HỮU MINH – Kế toán trưởng.....	84
14.	Tài sản thuộc sở hữu Công ty.....	85
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2015 và 2016.....	86
15.1	Kế hoạch.....	86
15.2	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2015 và 2016.....	87
15.3	Kế hoạch tăng vốn điều lệ:.....	92
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	92
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:.....	93
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:.....	93

V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	94
1.	Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông	94
2.	Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.....	94
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết: 256.000.000 cổ phiếu.....	94
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức phát hành:.....	94
5.	Phương pháp tính giá	95
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	97
7.	Các loại thuế liên quan.....	97
7.1	Đối với Công ty	97
7.2	Đối với nhà đầu tư	98
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	99
1.	Tổ chức niêm yết	99
2.	Tổ chức tư vấn.....	99
3.	Tổ chức kiểm toán:	100
VII.	PHỤ LỤC	100

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 22/05/2015	34
Bảng 3: Tổng Doanh thu từng nhóm sản phẩm của Công ty.....	40
Bảng 4: Cơ cấu chi phí trong những năm gần đây của Công ty	42
Bảng 5: Danh sách các hợp đồng dịch vụ có giá trị lớn đã ký trong năm 2014.....	46
Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty	47
Bảng 7: So sánh các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh.....	56
Bảng 8: So sánh các chỉ tiêu về tài chính	56
Bảng 9: Tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm.....	60
Bảng 10: Số dư các quỹ.....	62
Bảng 11: Bảng phân phối lợi nhuận năm 2013 và năm 2014	62
Bảng 12: Tổng dư nợ vay của Công ty	62
Bảng 13: Chi tiết các khoản phải thu	64
Bảng 14: Chi tiết các khoản phải thu khác.....	64
Bảng 15: Chi tiết các khoản phải trả.....	64



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2



Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty	65
Bảng 17: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát; Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng	67
Bảng 19: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2014	85
Bảng 18: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/03/2015	85
Bảng 20: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015 và 2016	86

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	21
Sơ đồ 2: Sản lượng điện giai đoạn từ 2011 – 2014.....	53
Sơ đồ 3: Cơ cấu ngành điện năm 2014 – 2015 (dự kiến).....	53
Sơ đồ 4: Sản lượng tiêu thụ điện dự kiến	55

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “PV Power NT2”, hoặc NT2) chính thức được thành lập vào tháng 06/2007, là chủ đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, được xây dựng theo hình thức IPP (nhà máy điện độc lập). Nhà máy sử dụng công nghệ tua bin khí chu trình hỗn hợp thể hệ F với cấu hình 2-2-1, bao gồm 2 tua bin khí, 2 lò thu hồi nhiệt và 1 tua bin hơi, tổng công suất đạt 750 MW. Hoạt động kinh doanh chính của PV Power NT2 chủ yếu sản xuất điện năng. Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện nên Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro sau đây:

1. Rủi ro về kinh tế

Trong năm 2013 và 2014, nền kinh tế toàn cầu đã có những dấu hiệu phục hồi tích cực so với giai đoạn khủng hoảng trước đó. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự phục hồi chung của nền kinh tế toàn cầu. Đồng thời, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản như kiềm chế lạm phát, ổn định tỷ giá đã hỗ trợ rất nhiều cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và PV Power NT2 nói riêng.

- **Tăng trưởng GDP:** Trong những năm gần, tốc độ tăng trưởng GDP đã có nhiều khả quan với mức tăng lần lượt là 5,25% (năm 2012); 5,42% (năm 2013) và 5,54% (dự kiến năm 2014) mặc dù tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn. Theo nhận định của Ngân hàng thế giới, với những chính sách phát triển kinh tế vĩ mô của Việt Nam bao gồm mục tiêu ổn định giá cả thị trường, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ đạt 5,6% vào năm 2015 và 5,8% năm 2016. Điều này sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của PV Power NT2.
- **Lạm phát:** Từ mức lạm phát 2 con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, dẫn đến việc lạm phát đã giảm xuống chỉ còn 6,84% năm 2012, 6,04% năm 2013. Năm 2014, mức lạm phát chỉ có 4,10% đây là mức thấp nhất kể từ năm 2005 trở lại đây. Nếu lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ Công ty trong công tác kiểm soát chi phí đầu vào mang lại nhiều thuận lợi cho Công ty trong những năm tiếp theo.
- **Lãi suất:** Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN) tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm hiện tại đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 9 – 10%/ năm.

Tháng 06/2007, Công ty chính thức đi vào hoạt động và triển khai dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 – được đánh giá là một trong những dự án trọng điểm quốc gia, với vốn đầu tư là 706 triệu USD trong khi vốn điều lệ của PV Power NT2 chỉ 2.560 tỷ đồng nên Công ty đã huy động thêm vốn từ kênh ngân hàng thông qua các hợp đồng tín dụng vay dài hạn từ các ngân

hàng trong nước lẫn nước ngoài, theo đó tổng hạn mức vay tại thời điểm 31/12/2014 là 6.907 tỷ đồng. Như vậy, với tình hình lãi suất đang có khuynh hướng giảm nên sẽ phần nào giảm bớt gánh nặng lãi vay cho Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, trở thành công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên PV Power NT2 chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao do đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, do hệ thống luật của Việt Nam chưa thật hoàn chỉnh, thường xuyên có sự thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế..., điều này có thể có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Là một Công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp, bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro do đặc thù ngành

Rủi ro nguyên liệu đầu vào:

Đối với các công ty nhiệt điện, thì giá cả nguyên liệu đầu vào từ than, khí và dầu là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp điện năng, Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2 với công suất tương đối lớn (750 MW) sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chính là khí tự nhiên (GAS) và nguyên liệu dự phòng là dầu DO; chi phí nhiên liệu khí chiếm trên 70% giá thành sản xuất điện.

Nguồn khí tự nhiên mà Công ty sử dụng là khí từ bể Cửu Long và Nam Côn Sơn thông qua đường ống dẫn Phú Mỹ - Tp.HCM, với sản lượng tiêu thụ khoảng 800 triệu m³ khí/năm, đồng thời Công ty còn sử dụng nhiên liệu dự phòng là dầu DO với lượng tiêu thụ tối đa khoảng 2.600 tấn/ngày. Hợp đồng mua khí được Công ty ký dài hạn với PVGas lên đến 25 năm do đó Công ty có sự ổn định về nguồn khí đầu vào.

Căn cứ theo công văn số 1951/TTg-KTN của Thủ tướng Chính phủ ngày 07/07/2010 về lộ trình thay đổi giá khí đầu vào, theo đó giá khí này sẽ được điều chỉnh tối đa không quá 2%/năm, nên Công ty có thể kiểm soát được chi phí nguyên vật liệu.

Rủi ro tỷ giá:

Rủi ro tỷ giá sẽ phát sinh đối với những doanh nghiệp có khoản vay liên quan đến ngoại tệ. Khi tỷ giá hối đoái giảm Công ty sẽ ghi nhận khoản lãi từ việc đánh giá lại phần chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện vào cuối kỳ kế toán và ngược lại khi tỷ giá tăng thì Công ty sẽ ghi nhận khoản lỗ

tương ứng. Hiện nay, phần lớn các công ty nhiệt điện đang được hưởng lợi rất nhiều từ biến động tỷ giá do có khoản vay lớn bằng ngoại tệ, nhưng khi tỷ giá biến động theo chiều hướng bất lợi thì các doanh nghiệp sẽ phải gánh chịu rủi ro.

Với đặc thù của ngành, phần lớn các khoản vay ngân hàng của PVPower NT2 bằng ngoại tệ, bình quân chiếm 94% trong 3 năm gần đây. Cụ thể tháng 07/2010, Công ty đã ký Hợp đồng vay với các Ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank trong đó Citibank là Ngân hàng đầu mối với tổng hạn mức vay là 215.380.981 USD và 202.585.883 EUR, để tài trợ việc xây dựng Nhà máy điện. Đây là khoản vay ưu đãi được Chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 01/06/2012. Và tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hoàn tất được 06 kỳ trả lãi và gốc, tương ứng 03 năm, như vậy Công ty còn tiếp tục trả 13 kỳ với dư nợ giảm dần.

Do đó, trong những năm tiếp theo, áp lực trả nợ vay và lãi vay ngoại tệ sẽ giảm dần và một khi tỷ giá biến động thì mức độ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty không cao như những năm trước. Thực tế, tỷ giá EUR/VND đang có xu hướng giảm dần và tỷ giá USD/VND đang tăng dần nên Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu tài chính thông qua việc đánh giá lại chênh lệch tỷ giá EUR/VND và ghi nhận khoản lỗ không đáng kể từ việc tỷ giá USD/VND. Đồng thời, căn cứ báo cáo phân tích của các chuyên gia trong ngành, dự kiến trong thời gian tới, tỷ giá EUR và USD so với VND không biến động mạnh nên mức độ tác động của hai loại đồng tiền này đến PVPower NT2 không cao.

Rủi ro về cạnh tranh

Cùng với xu hướng phát triển của ngành trong thời gian gần đây, thị trường điện bước đầu đã có sự cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp điện. Hiện nay, giá bán điện cho EVN vẫn đang được tính toán trong khung giá của Bộ Công nghiệp, trong đó có quy định rõ mức giá trần và giá sàn cho từng loại hình nhà máy sản xuất điện. Do đó, nếu rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào thì hoạt động của Công ty vẫn được đảm bảo và duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu. Ngoài ra, trong dài hạn khi các doanh nghiệp tham gia sản xuất và cung cấp điện ngày càng nhiều thì tính cạnh tranh trong ngành càng cao, tuy nhiên, các nhà máy nhiệt điện đầu tư sau Nhơn Trạch 2 đều có giá bán điện cao hơn, do đó, tính cạnh tranh của Nhơn Trạch 2 vẫn đảm bảo.

Rủi ro về thanh khoản

Quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng

tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, Mục 29 có chi tiết rủi ro thanh khoản như sau:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
1. Tài sản lưu động	1.738.455	2.821.065
- Tiền	57.247	186.127
- Đầu tư ngắn hạn	246.461	540.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.434.737	2.094.929
- ký quỹ ngắn hạn	10	10
- Phải thu dài hạn khác		
2. Nợ ngắn hạn	2.051.310	2.335.802
- Vay ngắn hạn	1.137.995	1.051.903
- Phải trả người bán và phải trả khác	196.184	392.525
- Chi phí phải trả	717.131	891.374
- Vay dài hạn		
3. Chênh lệch thanh khoản thuần	(312.855)	485.264

Có thể thấy rằng trong 2 năm qua, Ban lãnh đạo của Công ty đã nỗ lực hết sức nhằm cải thiện tình hình thanh khoản của NT2 từ âm 312.855 triệu đồng (năm 2013) thành dương 485.264 triệu đồng (năm 2014) và Công ty sẽ tiếp tục phấn đấu cân bằng tình trạng này trong thời gian tới để đảm bảo khả năng thanh khoản của NT2 ở mức an toàn nhất.

Mặt khác, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty ở ngưỡng an toàn trong năm 2014.

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,95	1,37
2	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,85	1,26

Rủi ro ô nhiễm khi vận hành nhà máy điện

Căn cứ vào Báo cáo kết luận môi trường của Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam – Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển An toàn và Môi trường Dầu khí (CPSE) số DNT-07/11/10 ngày 24/12/2013 cho thấy Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 luôn đảm bảo chất lượng môi trường theo đúng tiêu chuẩn quy định trong ngành, cụ thể:

▪ *Khí thải công nghiệp:*

Khí thải được lấy tại 2 vị trí ống khói của nhà máy với lưu lượng thải là 34560 m³/h/ống. Kết quả phân tích hàm lượng bụi, CO, SO₂ và NO₂ đều nhỏ hơn rất nhiều giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. CO₂ có giá trị xấp xỉ 1000 mg/Nm³. Mặc dù thông số này chưa được quy định trong quy chuẩn về nồng độ cho phép nhưng cũng là một số liệu quan trọng trong việc tính toán lượng CO₂ phát thải hàng năm tùy theo lưu lượng và số giờ vận hành của nhà máy.

▪ *Nước thải công nghiệp*

Tất cả các thông số nước thải công nghiệp tại các trạm khảo sát đều đạt tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT. Hàm lượng các kim loại thu được đều ở mức rất thấp, phần lớn đều nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích. Điều này cho thấy hệ thống xử lý nước thải đạt hiệu quả, đảm bảo chất lượng của nước thải đầu ra theo quy định của Bộ Tài Nguyên Môi Trường.

▪ *Nước làm mát*

Hàm lượng TSS và Clorua có trong nước làm mát tại điểm xả trong và ngoài nhà máy trước khi vào mương thải tương đối cao. Điều này cho thấy nước làm mát lấy trực tiếp từ sông đã bị nhiễm mặn và có hàm lượng chất rắn lơ lửng cao. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với kết quả phân tích nước mặt tại các điểm trên sông Lòng Tàu và sông Đồng Tranh trong phần 5.7.

▪ *Nước ngầm*

Nước ngầm được lấy tại khu vực dân cư (nước giếng). Hầu hết các thông số đều đạt tiêu chuẩn QCVN 09:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm, ngoại trừ hàm lượng tổng chất rắn, chlorua, tổng hoạt độ phóng xạ α , β và COD tại vị trí số nhà dân 1 cao hơn nhiều so với tiêu chuẩn cho phép. Đặc biệt giá trị COD ghi nhận tại nhà dân 2 cũng cao hơn so với giới hạn cho phép.

....

Do đó, việc vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 không gây bất kỳ ô nhiễm nào. Đồng thời, PVPower NT2 luôn ý thức và nghiêm túc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, như:

- ✓ *Nước thải phát sinh tại nhà máy được xử lý trước khi thải ra môi trường;*
- ✓ *Thực hiện đúng quy trình thu gom chất thải rắn;*
- ✓ *Thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường trong lao động sản xuất, tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;*
- ✓ *Lập sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.*
- ✓ *Thực hiện các biện pháp thông thoáng nhà xưởng, đảm bảo các điều kiện vi khí hậu trong môi trường lao động.*

Ngoài ra, nhằm giữ vững và cải thiện chất lượng môi trường tốt hơn, hiện nay Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 còn tiếp tục thực hiện:

- ✓ *Giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và vệ sinh công nghiệp cán bộ công nhân viên trong nhà máy. Thực hiện thường xuyên và có khoa học các chương trình vệ sinh cũng như quản lý chặt chẽ các loại chất thải;*
- ✓ *Cùng các bộ phận khác trong khu vực tham gia thực hiện kế hoạch hạn chế tối đa các nguồn gây ô nhiễm, bảo vệ môi trường theo quy định và hướng dẫn chung của các ngành chuyên môn và các cơ quan có thẩm quyền.*
- ✓ *Thực hiện chương trình giám sát môi trường của nhà máy và trình Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường xem xét.*

4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu NT2 niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng; tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển; và chuẩn mực hóa quản trị Công ty, tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu NT2 sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc hoàn toàn công trình (mặc dù thiết kế xây dựng của nhà máy chống được động đất xảy ra). Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty đã thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các loại tài sản, hàng hóa, bảo hiểm gián đoạn sản xuất kinh doanh của Công ty và của khách hàng nhằm hạn chế bớt các rủi ro này.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2 (PV POWER NT2)

Ông Lê Tự Hiếu	- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Xuân Quốc	- Chức vụ: Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Minh	- Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Nguyễn Thị Hà	- Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Bà Nguyễn Thị Hương Giang	- Chức vụ: Giám đốc Phụ trách phía Nam – Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư
---------------------------	--

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK TP.HCM: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HSX”)
- SGDCK HN: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội (“HNX”)
- Công ty/PV POWER NT2/NT2: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng Quản trị
- BTGD/BGD: Ban Tổng Giám đốc/Ban Giám đốc
- TGD/GĐ: Tổng Giám đốc/Giám đốc
- BKS: Ban Kiểm soát
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Quy chế quản trị Công ty: Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- ĐKKD: Đăng ký kinh doanh
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- CP: Cổ phần
- Công ty TNHH MTV: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
- Thuế TNDN: Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- Thuế TNCN: Thuế Thu nhập cá nhân
- UBND: Ủy ban Nhân dân
- TP.HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
- EVN: Tập đoàn Điện lực Việt Nam
- PH: Phát hành
- QLDN: Quản lý Doanh nghiệp
- DT: Doanh thu
- DTT: Doanh thu thuần
- GVHB: Giá vốn hàng bán

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Thông tin chung

- Tên Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
- Tên tiếng Anh: PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: PV POWER NT2
- Trụ sở chính: Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (84-612) 225 899
- Fax: (84-612) 225 897
- Website: www.pvpnt2.com
- Email: info@pvnt2.com
- Vốn điều lệ hiện tại: 2.560.000.000.000 đồng (*Hai nghìn năm trăm sáu mươi tỷ đồng*)
- Nơi mở tài khoản:

STT	Ngân hàng giao dịch	Số tài khoản
1	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Sài Gòn	10220849277012
2	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	40991522
3	Ngân hàng Đại chúng Việt Nam	000068446688

1.2 Ngành nghề kinh doanh chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/06/2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 12/09/2012, ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị, vật tư, phụ tùng máy khác;

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

1.3 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trải qua chặng đường với gần 07 năm hoạt động, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã đạt thành tựu to lớn khi đầu tư, quản lý vận hành khai thác an toàn và hiệu quả Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 có công suất 750MW, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và phát triển kinh tế xã hội.

Những cột mốc phát triển quan trọng	
2007	<p>Thành lập Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Trụ sở chính: Xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai ▪ Vốn điều lệ 2.560 tỷ VNĐ ▪ Công ty được thành lập để làm Chủ đầu tư và vận hành khai thác Nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, công suất 750 MW.
2009	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ký kết Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 ▪ đồng chí Nguyễn Minh Triết – nguyên Chủ tịch nước chính thức phát lệnh khởi công xây dựng công trình dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2
2010	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngày 06/04/2010, Ký Hợp đồng Mua bán khí cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2. ▪ Ngày 26/12/2010, Hòa đồng bộ phát điện lần đầu thành công Tổ máy tuabin khí số 1 (GT11) lên lưới điện quốc gia. ▪ Ngày 31/12/2010 CT.HĐQT Lê Tự Hiểu, Giám đốc Hoàng Xuân Quốc được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba.
2011	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngày 21/02/2011, Tổ máy tuabin khí – máy phát số 01 (GT11) công suất 250 MW, bắt đầu chính thức đưa vào vận hành thương mại, vượt tiến độ 7 ngày. ▪ Ngày 07/03/2011, Tổ máy tuabin khí – máy phát số 02 (GT12) công suất 250 MW được đưa vào vận hành thương mại chính thức, vượt tiến độ 24 ngày. ▪ Ngày 13/08/2011 Vận hành thương mại Tuabin hơi – máy phát ST10 – vượt tiến độ 07 ngày. ▪ Ngày 14/09/2011 Ký kết Hợp đồng bảo trì dài hạn Nhà máy. ▪ Ngày 16/10/2011, toàn bộ Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã hoàn thành toàn bộ công tác xây dựng và chính thức đi vào vận hành thương mại vượt tiến độ 45 ngày. ▪ Ngày 12/11/2011, tổ chức Lễ khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 cấp quốc gia và đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba do Nhà nước trao tặng cho

Những cột mốc phát triển quan trọng

	<p>Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Năm 2011, PV Power NT2 đã nhận được 2 giải thưởng quốc tế là “Best ECA Backed Facilities” và “Best Emerging Market Solution” vào năm 2011 cho sự thành công về thu xếp tài chính cho dự án.
2012	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngày 02/05/2012 Ký kết Hợp đồng Mua bán điện giá tạm tính với EVN. ▪ Ngày 15/06/2012 kỷ niệm 05 năm ngày thành lập Công ty: 15/06/2007 – 15/06/2012. ▪ Tháng 10/2012 tại Hội chợ Triển lãm thường niên Điện lực Châu Á diễn ra tại Bangkok (Thailand), Ban tổ chức hội chợ, Tạp chí Điện lực Châu Á đã trao giải thưởng vàng duy nhất “Dự án Nhà máy điện được xây dựng nhanh nhất” cho Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (Nhà máy điện Nhơn Trạch 2). Đây là giải thưởng có uy tín nhất hàng năm về lĩnh vực điện lực dành cho các công trình, dự án, các nhà máy điện tiêu biểu trên toàn bộ Châu Á. ▪ Ngày 01/10/2012: Đạt mức sản lượng điện 5 tỷ KWh. ▪ Đến cuối năm 2012, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã phát lên lưới điện quốc gia gần 6,6 tỷ KWh điện, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Riêng trong năm 2012, Nhà máy đã đạt sản lượng điện 4,65 tỷ KWh, vượt 109% kế hoạch năm, tổng doanh thu gần 5.500 tỷ đồng đạt 105% kế hoạch năm, nộp Ngân sách Nhà nước gần 200 tỷ đồng.
2013	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngày 15/05/2013, Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2013 phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2; ▪ Ngày 25/09/2013: Đạt mức sản lượng điện 10 tỷ KWh; ▪ Ngày 04/10/2013, hoàn tất đàm phán giá điện chính thức Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 với EPTC và ký tất các văn kiện Hợp đồng làm cơ sở trình EVN/ Cục Điều tiết phê duyệt; ▪ Ngày 22/11/2013 Hoàn thành kế hoạch về đích trước 40 ngày đảm bảo an toàn tuyệt đối. ▪ Ngày 31/12/2013 sản lượng điện thực hiện là 4.670.000.000 KWh đạt 112% so với kế hoạch năm 2013.
2014	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngày 20/01/2014, ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2. ▪ Ngày 28/05/2014, hoàn thành công tác đàm phán giá điện chính thức Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 Hợp đồng mua bán điện NMĐ NT2 về giá điện chính thức NMĐ Nhơn Trạch 2 và Thỏa thuận về việc thanh toán các khoản chênh lệch giữa tiền điện đã được thanh toán và giá điện chính thức trong giai đoạn kể từ ngày vận hành thương mại chính thức toàn nhà máy (16/10/2011) đến ngày 30/04/2012 NMĐ NT2.

Những cột mốc phát triển quan trọng

- Ngày 30/06/2014, Ký Phụ lục bổ sung 03 Hợp đồng mua bán khí Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 về việc gia hạn thời gian sử dụng khí Hải Thạch Mộc tinh.
- PV Power NT2 và EPTC đã thống nhất và ký tắt dự thảo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 05 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và lộ trình thanh toán chi phí bổ sung tiền điện chênh lệch giữa giá điện đã thanh toán và tiền điện theo giá điện chính thức của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 giai đoạn 16/10/2011 đến 31/12/2013.
- Ngày 05/11/2014, sau 03 năm vận hành thương mại, PV Power NT2 đã đạt mốc sản lượng điện 15 tỷ kwh phát lên lưới điện quốc gia.
- Ngày 12/11/2014, PV Power NT2 đã hoàn thành chỉ tiêu sản lượng điện năm 2014: 4 tỷ kWh, vượt tiến độ 48 ngày.
- Ngày 31/12/2014 sản lượng điện thực hiện là 4,76 tỷ kWh, đạt 119% kế hoạch sản lượng điện năm 2014.

1.4 Các thành tích nổi bật:



Huân chương Lao động Hạng Ba
(Tháng 11/2011)



Giải thưởng Best ECA Backed Facilities
(Năm 2011)



Hoàn thành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vượt tiến độ 45 ngày (chưa kể 1 tháng ân hạn của nhà thầu), tiêu biểu là công trình 04 nhất: an toàn nhất, tiến độ nhanh nhất, chất lượng nhất và hiệu quả nhất. Giá trị hợp đồng xây dựng NMTĐ Nhơn Trạch 2 tiết kiệm 100 triệu USD so với giá chào thầu thông qua đấu thầu quốc tế, tiết kiệm gần 20% chi phí đầu tư, nâng cao hiệu quả dự án,

(Tháng 10/2011)



Giải thưởng giải thưởng vàng duy nhất “Dự án Nhà máy điện được xây dựng nhanh nhất” do Tạp chí Điện Lực Châu Á đã trao tặng tại Thái Lan. Đây là giải thưởng có uy tín hàng năm về lĩnh vực điện lực dành cho các công trình, dự án, các nhà máy điện tiêu biểu ở Châu Á và lần đầu tiên Việt Nam đạt được giải thưởng uy tín này. Từ trước đến nay, giải thưởng này chỉ được trao cho các tập đoàn, các nhà sản xuất lớn hàng đầu thế giới.

(Tháng 10/2012)



Vinh danh công trình thanh niên tiêu biểu toàn quốc. Đây là một trong 10 công trình thanh niên tiêu biểu toàn quốc nhiệm kỳ 2007-2012 của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

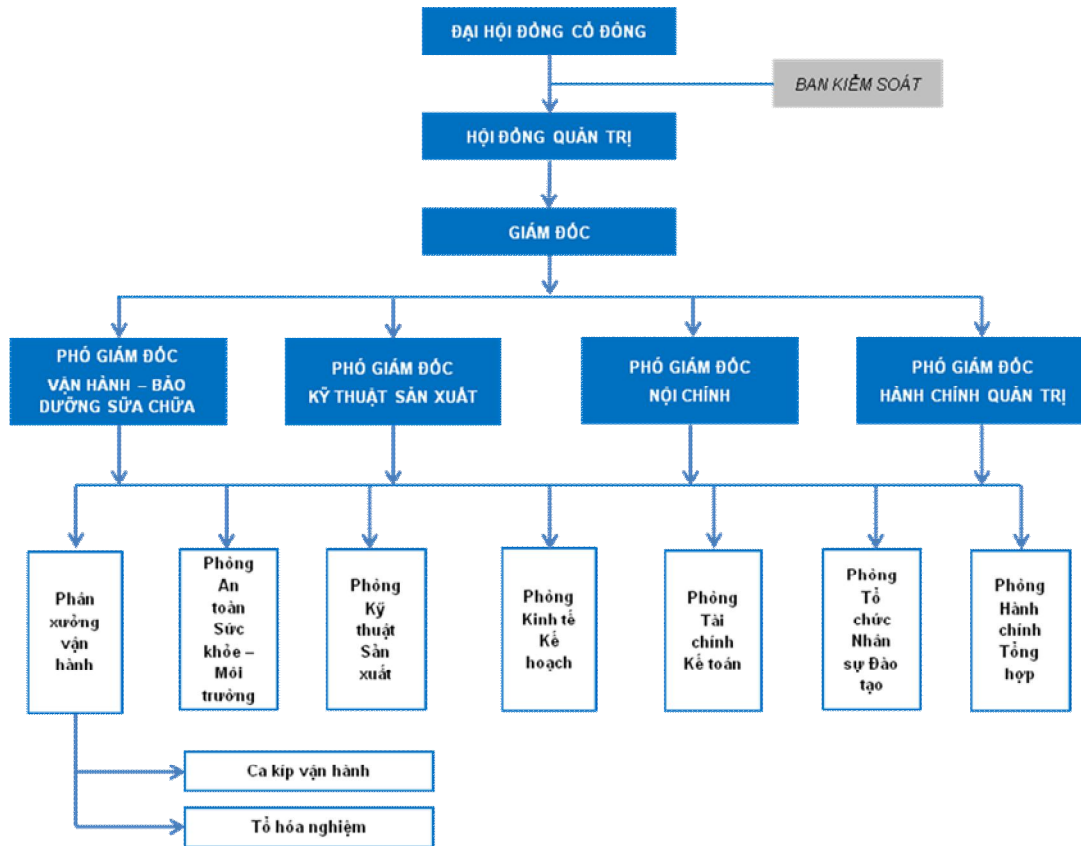
(Tháng 01/2013)

2. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000396 ngày 20/06/2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600897316 thay đổi lần thứ 7 ngày 12/09/2012, theo đó vốn điều lệ của Công ty ngay từ khi thành lập đến nay vẫn không thay đổi là 2.560.000.000.000 đồng nên Công ty không có quá trình tăng vốn.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: PV Power NT2

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của PV Power NT2. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty, thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Hội Đồng Quản Trị:

Là cơ quan quản trị của PV Power NT2, có toàn quyền nhân danh PV Power NT2 để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của PV Power NT2, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power NT2;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của PV Power NT2;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của PV Power NT2;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ PV Power NT2 quy định.

Lê Tự Hiểu	Chủ tịch HĐQT
Hoàng Xuân Quốc	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Lương Ngọc Anh	Thành viên HĐQT
Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, BGD trong việc quản lý và điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.

Nguyễn Thị Hà	Trưởng Ban kiểm soát
Nguyễn Văn Kỳ	Thành viên BKS
Trần Quốc Hùng	Thành viên BKS

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty bao gồm: 01 Giám đốc, 04 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của PV Power NT2;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của PV Power NT2;
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của PV Power NT2;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong PV Power NT2, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám Đốc.

Ban điều hành hiện nay của Công ty là những người có kinh nghiệm quản lý và điều hành kinh doanh.

Hoàng Xuân Quốc	Giám đốc
Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc
Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc
Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc
Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc
Nguyễn Hữu Minh	Kế toán trưởng

Chức năng & Nhiệm vụ của các Phòng Ban:

Phòng Hành chính Tổng hợp (P.HCTH):

Chức năng:

Phòng Hành chính Tổng hợp có chức năng tham mưu, giúp việc Giám đốc quản lý, điều hành công tác hành chính văn phòng; hành chính tổng hợp; thực hiện công tác đối nội, đối ngoại; đầu mối cho việc tổ chức các sự kiện và các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động của Công ty.

Nhiệm vụ:

- Quản lý, điều hành công tác hành chính văn phòng, văn thư, lễ tân, tạp vụ thông tin liên lạc; lưu trữ hồ sơ, tài liệu tại thư viện của Công ty đảm bảo an toàn, bảo mật theo quy định của Công ty và Nhà nước.
- Giải quyết các công việc liên quan tới công tác hành chính đảm bảo tốt các điều kiện cần thiết để các phòng của Công ty hoàn thành nhiệm vụ. Xử lý các mối quan hệ đối ngoại với các đơn vị, cá nhân có quan hệ công tác với Công ty trong quá trình hoạt động của Công ty.
- Đảm bảo đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị-phương tiện văn phòng và điều kiện đi lại, làm việc, hội họp, hội nghị theo yêu cầu của Ban Giám đốc
- Làm các thủ tục cho Lãnh đạo và CBCNV đi công tác: vé máy bay, ô tô, tàu hỏa và thu xếp điều kiện ăn ở.
- Đầu mối chủ trì triển khai công tác mua sắm trang thiết bị văn phòng, phương tiện đi lại, văn phòng phẩm và quản lý tài sản của văn phòng Công ty.
- Chủ trì thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng, bảo trì các trang thiết bị văn phòng, phương tiện đi lại, nhà hành chính, căng tin và cảnh quan, cây xanh, lau dọn, vệ sinh của Công ty.
- Chủ trì việc quản lý và điều hành khu nhà công vụ của Công ty.
- Phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, thể dục thể thao và các hoạt động khác nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV trong Công ty.
- Chủ trì thực hiện các công tác quảng cáo, tiếp thị, quan hệ công chúng (PR) của Công ty.

- Đầu mối thực hiện các chức năng thư ký cho Hội đồng quản trị và Giám đốc.
- Đầu mối quản lý và bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các hạng mục xây dựng thuộc tài sản của Công ty như nền móng và kết cấu xây dựng, đường sá, hàng rào, các công trình ngầm, trụ sở làm việc, nhà xưởng và khu nhà ở công vụ
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc giao.

Phòng Tổ chức Nhân sự Đào tạo (P.TCNSĐT):

Chức năng:

Phòng Tổ chức Nhân sự Đào tạo có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc điều hành các công tác tổ chức nhân sự, đào tạo nhân lực; lao động tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, chế độ chính sách và các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động của Công ty.

Nhiệm vụ:

- Quản lý, điều hành và giải quyết các công việc liên quan đến nhân sự các phòng/phân xưởng trong Công ty theo sự chỉ đạo của Giám đốc. Tổ chức và thực hiện quản trị nhân sự gồm tuyển dụng, điều động, chuyển, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá chất lượng cán bộ.
- Lập và theo dõi việc thực hiện các vấn đề liên quan đến lao động tiền lương, các chế độ chính sách đối với Người lao động theo đúng pháp luật và chế độ quy định hiện hành. Lập bảng chấm công của Công ty để làm lương.
- Chủ trì thực hiện các công tác tuyển dụng nhân sự Công ty theo kế hoạch đề ra; phân loại, đánh giá, đề xuất bố trí nhân lực vào các chức danh trong cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị; phối hợp với các phòng/phân xưởng lập, thực hiện kế hoạch đào tạo theo nhu cầu Công ty đề ra.
- Phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, thể dục thể thao và các hoạt động khác nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV trong Công ty.
- Đầu mối công tác thi đua-khen thưởng-kỷ luật của Công ty.
- Đầu mối thực hiện công tác đào tạo của Công ty
- Đầu mối thực hiện công tác quản lý cổ đông của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc giao.

Phòng Kinh tế Kế hoạch (P.KTKH):

Chức năng:

Phòng Kinh tế Kế hoạch có chức năng đầu mối tham mưu giúp Giám đốc quản lý, điều hành các công tác kế hoạch, kinh tế, thương mại, hợp đồng của Công ty.

Nhiệm vụ:

- Lập, trình duyệt và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện kế hoạch đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty theo tháng, quý, năm.

- Chủ trì lập các báo cáo tình hình hoạt động của Công ty định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm; biên bản các cuộc họp giao ban định kỳ/đột xuất của Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu. Lập các kế hoạch sản xuất khác.
- Chủ trì và phối hợp với các phòng liên quan để thực hiện công tác lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu, đơn giá, dự toán và các phần việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp với các phòng lập và trình duyệt kế hoạch, dự toán chi phí mua sắm trang thiết bị và các hoạt động khác của Công ty.
- Phối hợp với các phòng làm các thủ tục thanh toán, quyết toán cho các nhà thầu phù hợp với các Hợp đồng và tiến độ thanh toán tại các Hợp đồng đã ký. Đầu mối xử lý các phát sinh, tổ chức và trực tiếp thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực thương mại và pháp lý liên quan đến việc đấu thầu, thương thảo, đàm phán và thực hiện các Hợp đồng phù hợp với Luật pháp Việt Nam và thông lệ quốc tế. Đầu mối kiểm tra bảo đảm tính pháp lý về thủ tục của công tác thanh quyết toán.
- Phối hợp với phòng liên quan giám sát các hợp đồng đã ký: thực hiện tiến độ, các điều khoản hợp đồng và các vấn đề khác.
- Chủ trì và phối hợp với các phòng thực hiện các thủ tục liên quan đến nhập khẩu vật tư thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp phòng HCTH thực hiện các công tác quảng cáo, tiếp thị, quan hệ công chúng (PR) của Công ty.
- Đầu mối triển khai các nội dung liên quan đến Thị trường phát điện cạnh tranh.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc giao.

Phòng Tài chính Kế toán (P.TCKT):

Chức năng:

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc trong công tác quản lý các hoạt động tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của Nhà nước và Quy chế tài chính Công ty.

Nhiệm vụ:

- Chủ trì thực hiện quản lý và giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan đến công tác tài chính - kế toán của Công ty.
- Tổ chức, thực hiện công tác tài chính kế toán, thống kê trong Công ty phù hợp với chế độ Tài chính kế toán do Nhà nước quy định.
- Chủ trì lập báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm và kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.
- Đầu mối thu xếp vốn cho sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư của Công ty.
- Phối hợp với các phòng lập và trình duyệt dự toán chi phí mua sắm trang thiết bị và các hoạt động khác của Công ty.

- Phối hợp với phòng HCTH tham gia quản lý tài sản của Công ty.
- Thanh toán lương tháng và quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho CBCNV trong Công ty.
- Phối hợp với các Phòng chức năng tham gia xét thầu và thương thảo các hợp đồng kinh tế.
- Phối hợp với các Phòng chức năng thực hiện thanh toán, quyết toán các Hợp đồng kinh tế, các chi phí mua sắm trang thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh đáp ứng tiến độ yêu cầu.
- Quản lý và thực hiện thanh toán các khoản chi phí của Công ty theo chế độ, quy định của Nhà nước và của Công ty.
- Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, thanh quyết toán, lưu trữ chứng từ, các báo cáo tài chính,...theo đúng các quy định của Nhà nước và của Công ty.
- Phối hợp tham gia Thị trường phát điện cạnh tranh.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc giao.

Phòng Kỹ thuật sản xuất (P.KTSX):

Chức năng:

Phòng Kỹ thuật Sản xuất có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty quản lý các mặt kỹ thuật - công nghệ trong quá trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 liên quan đến các hệ thống máy móc thiết bị, công nghệ thông tin, quản lý vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế, trang thiết bị vật tư dự phòng chiến lược, nhiên liệu và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất; quản lý các hoạt động khoa học- công nghệ, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

Nhiệm vụ:

- Chủ trì thực hiện công tác lập và quản lý dự án đối với các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư phát triển do Công ty làm chủ đầu tư.
- Đầu mối quản lý và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học-công nghệ, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong Công ty
- Quản lý kỹ thuật về điện, công nghệ, đo lường và điều khiển trong nhà máy.
- Theo dõi lý lịch tất cả thiết bị của nhà máy. Sử dụng và bảo quản các hồ sơ, tài liệu kỹ thuật, lý lịch máy móc thiết bị của Nhà máy theo quy định.
- Quản lý, triển khai nghiên cứu áp dụng và đánh giá phương pháp đo hiệu suất công suất nhà máy điện.
- Chủ trì và phối hợp với Phân xưởng vận hành để khắc phục các bất thường về điện, công nghệ và C&I trong quá trình vận hành.
- Phối hợp với phân xưởng vận hành đo đạc, tính hiệu suất các tổ máy, lò; xây dựng đặc tuyến cho các thiết bị trước và sau các kỳ sửa chữa lớn.

- Kiểm tra, góp ý hoàn thiện kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa do nhà thầu lập, tham gia theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác sửa chữa, bảo dưỡng và nghiệm thu công việc thực hiện.
- Kiểm tra, đánh giá tình trạng thiết bị, giám sát kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, kế hoạch sửa chữa lớn cho các thiết bị của nhà máy.
- Giám sát và quản lý công tác sửa chữa điện và C&I, thử nghiệm điện cao áp, công tác sửa chữa cơ khí, gia công chế tạo của Nhà máy.
- Tham gia soạn và trình duyệt các phương án, các quy trình kỹ thuật sửa chữa, các tiêu chuẩn kỹ thuật về thiết bị điện, cơ nhiệt và C&I.
- Theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên (bao gồm cả giám sát nhân công thực tế thực hiện), tiến độ thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn của nhà thầu; kiểm tra các hạng mục, chi phí phát sinh trong quá trình sửa chữa lớn, chủ trì nghiệm thu công việc thực hiện và kiểm tra hồ sơ khối lượng quyết toán sửa chữa lớn.
- Kiểm tra các quy trình kỹ thuật sửa chữa thiết bị điện, cơ nhiệt do nhà thầu lập, kiểm tra việc thực hiện các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật trong quá trình thực hiện công tác sửa chữa.
- Phối hợp với các phòng chức năng khắc phục các bất thường về thiết bị cũng như phần mềm CNTT sử dụng trong Nhà máy và Công ty; Nghiên cứu tìm hiểu nắm bắt quản lý các phần mềm ứng dụng cho SXKD của Nhà máy; Đề xuất và tổ chức thực hiện các biện pháp để duy trì và bảo đảm sự hoạt động của hệ thống CNTT, viễn thông (bao gồm SCADA) áp dụng trong Nhà máy và Công ty.
- Quản lý kho, vật tư, nhiên liệu theo đúng qui định đảm bảo chất lượng cũng như số lượng.
- Tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác quản lý vật tư, cũng như đánh giá hiệu quả sử dụng vật tư để hạn chế gây lãng phí.
- Đề xuất và lập danh mục vật tư thiết bị dự phòng, dự phòng chiến lược và vật tư tiêu hao cho nhà máy.
- Phối hợp các phòng chức năng lập kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa. Tổ chức quản lý, bảo quản vật tư thiết bị phụ tùng thay thế.
- Phối hợp thực hiện việc bồi huấn, thi giữ bậc, nâng bậc cho kỹ sư, công nhân trực tiếp sản xuất.
- Phối hợp tham gia Thị trường phát điện cạnh tranh.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc giao.

Phòng An toàn Sức khỏe Môi trường (ATSKMT):

Chức năng:

Phòng An toàn Sức khỏe Môi trường có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo, quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ (PCCN) và môi trường.

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Phòng được giao trong bản Quy định này.

Nhiệm vụ:

Công tác an toàn PCCC:

- Phổ biến và giám sát các đơn vị trong công ty thực hiện các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, qui Phạm về an toàn PCCN của nhà nước và các nội quy, quy định của Tập đoàn, Tổng công ty và Công ty.
- Phối hợp với các phòng lập và trình duyệt kế hoạch mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ cho công tác PCCC.
- Chủ trì tổ chức công tác kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất việc thực hiện công tác PCCN của các phòng ban, bộ phận việc sử dụng, bảo quản và sửa chữa các trang thiết bị PCCC trong Công ty, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, hướng dẫn PCCC theo quy định.
- Kiểm tra, giám sát các hệ thống tiếp địa phòng chống sét trong nhà máy theo quy định PCCC hiện hành.
- Chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức, quản lý lực lượng PCCC của Công ty, phối hợp với lực lượng PCCC của Nhơn Trạch 1 và địa phương trực tiếp thực hiện chữa cháy theo Quy định của Công ty khi có đám cháy xảy ra.
- Lập các hồ sơ giám sát và quản lý các hoạt động phòng cháy chữa cháy gồm:
 - ✓ Quy định, nội quy, quy trình, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng cháy và chữa cháy;
 - ✓ Văn bản thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;
 - ✓ Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở;
 - ✓ Phương án chữa cháy đã được phê duyệt;
 - ✓ Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy; các văn bản đề xuất, kiến nghị về công tác phòng cháy và chữa cháy; biên bản vi phạm và quyết định liên quan đến xử lý vi phạm về phòng cháy và chữa cháy (nếu có);
 - ✓ Các sổ theo dõi về công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ và hoạt động của đội phòng cháy chữa cháy cơ sở, sổ theo dõi phương tiện phòng cháy và chữa cháy;
 - ✓ Thống kê báo cáo về phòng cháy và chữa cháy; hồ sơ vụ cháy (nếu có).
 - ✓ Thống kê phương tiện chữa cháy;
 - ✓ Thống kê số lượng cán bộ, đội viên phòng cháy chữa cháy.
 - ✓ Chủ trì biên soạn nội quy an toàn về phòng cháy và chữa cháy, sơ đồ chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, biển cấm, biển báo và biển chỉ dẫn.

Công tác an toàn lao động, Vệ sinh lao động và sức khỏe:

- Nghiên cứu, triển khai áp dụng các văn bản của cấp có thẩm quyền về công tác an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ).
- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện các tiêu chuẩn, qui phạm về KTAT, kỹ thuật BHLĐ (Bao gồm KTAT, VSLĐ và cải thiện điều kiện làm việc; tiêu chuẩn, tính năng kỹ thuật của các phương tiện bảo vệ cá nhân người lao động), lập dự toán kinh phí thực hiện.
- Theo dõi, đôn đốc việc đăng ký, kiểm định, vận hành thiết bị áp lực, thiết bị cơ nhiệt, thiết bị nâng và các thiết bị khác có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện chế độ phiếu công tác và phiếu thao tác đối với công tác trong nhà máy điện.
- Tổ chức biên soạn, trình duyệt và hướng dẫn áp dụng các quy trình, tài liệu huấn luyện KTAT, kỹ thuật BHLĐ.
- Tổ chức biên soạn, trình duyệt phương án PCBL, phương án ứng cứu tình huống khẩn cấp, phương án phòng chống tràn dầu của Công ty...
- Tổ chức thực hiện việc điều tra sự cố các thiết bị nguồn và trạm điện, các vụ cháy nổ, tai nạn và đề xuất các biện pháp phòng ngừa. Thực hiện công tác thống kê, phân tích, báo cáo sự cố, cháy nổ và tai nạn lao động của Công ty.
- Tổ chức thực hiện việc kiểm tra kiến thức cho cán bộ, công nhân, cán bộ phụ trách KTAT, BHLĐ của các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Tổ chức huấn luyện và sát hạch công tác an toàn bước 1 cho CBCNV mới nhận công tác, chủ trì tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra an toàn định kỳ hàng năm cho kỹ sư, công nhân trực tiếp sản xuất. Chịu trách nhiệm biên soạn và cập nhật câu hỏi đề cương thi an toàn.
- Thực hiện vai trò thường trực trong ban an toàn của Công ty. Tổ chức thực hiện các hoạt động nhằm đảm bảo ATVSLĐ.
 - ✓ Xây dựng, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến các nội quy, quy trình an toàn lao động, phòng chống tai nạn lao động cho các đơn vị, các khâu sản xuất kinh doanh và toàn thể CBCNV trong toàn Công ty.
 - ✓ Phối hợp với công đoàn huấn luyện chuyên môn, kiểm tra hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên, các đội cấp cứu.
 - ✓ Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ cho người lao động.
 - ✓ Đề xuất các biện pháp phòng chống tai nạn, sự cố trong các khâu sản xuất kinh doanh toàn Công ty.
 - ✓ Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các chế độ bảo hộ lao động, đề xuất các biện pháp chăm lo sức khỏe cho người lao động.

- ✓ Kiểm tra đơn đốc và chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật việc thực hiện trang thiết bị BHLĐ, các phương tiện an toàn và cách sử dụng bảo vệ người lao động.
- ✓ Thường xuyên và định kỳ tổ chức kiểm tra, đơn đốc, chấn chỉnh công tác an toàn VSLĐ trong toàn công ty.
- Chủ trì trong công tác sơ cứu cấp cứu khi người lao động bị tai nạn nếu trường hợp bị tai nạn có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng thì phải huy động phương tiện chuyển lên tuyến trên để chữa trị kịp thời.
- Chủ trì huấn luyện cho người lao động phương pháp xác định các yếu tố nguy hiểm, có hại trong sản xuất; phương pháp triển khai công tác kiểm tra và tự kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh lao động tại cơ sở. Nghiệp vụ khai báo, điều tra, lập biên bản, thống kê và báo cáo định kỳ tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp.

Công tác Môi trường:

- Tiếp nhận, nghiên cứu các văn bản và quy định của cấp có thẩm quyền về lĩnh vực môi trường để tham mưu cho lãnh đạo Công ty tổ chức thực hiện.
- Thực hiện công tác kiểm tra giám sát các thông số nước thải, khí thải, liên quan đến môi trường, đánh giá tác động môi trường hàng năm của công ty.
- Phối hợp với Tổ hóa nghiệm đơn đốc và kiểm tra việc thực hiện các quy trình kỹ thuật vận hành thiết bị đo lường thông số hóa (tại chỗ) và thiết bị phòng hóa, hệ thống xử lý chất lượng nước và hơi của chu trình nhiệt, hệ thống xử lý nước thô và nước khử khoáng, hệ thống xử lý nước thải (công nghiệp, sinh hoạt), bể phân ly.
- Phối hợp thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật bao gồm: KTAT, PCCN, PCLB, kỹ thuật VSLĐ, tiêu chuẩn và tính năng kỹ thuật của phương tiện, trang bị bảo vệ cá nhân người lao động để bảo vệ môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động trong Công ty.
- Chủ trì lập các báo cáo định kỳ và đột xuất về ATSKMT và PCCC theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Phân xưởng vận hành (PXVH).

Chức năng:

Phân xưởng vận hành có chức năng thực hiện công tác quản lý và vận hành khai thác các trang thiết bị công nghệ của nhà máy điện Nhơn Trạch 2 bảo đảm vận hành tối ưu, liên tục, an toàn; giảm thiểu tối đa thời gian dừng máy xử lý sự cố, sửa chữa nhằm nâng cao hiệu quả, giảm giá thành sản xuất điện.

Nhiệm vụ:

- Quản lý tốt tài sản cố định, không để hư hỏng, mất mát trang thiết bị, dụng cụ đồ nghề thuộc phạm vi được phân cấp; bảo đảm sạch sẽ, trật tự, ngăn nắp tại nơi làm việc của cán bộ, công nhân viên thuộc Phân xưởng.

- Quản lý tốt các ca/kíp vận hành để hoàn thành các nhiệm vụ công tác của Phân xưởng; bảo đảm sự chấp hành tốt mệnh lệnh sản xuất và quy trình trong ca trực; thực hiện sự phối hợp nhịp nhàng, chính xác giữa Trưởng ca và các đơn vị trong Công ty.
- Làm chủ công nghệ sản xuất của nhà máy, các thiết bị chính của chu trình hỗn hợp, các trang bị công nghệ thông tin, hệ thống thông tin liên lạc nội bộ/viễn thông, cơ sở hạ tầng cùng các tài sản cố định khác.
- Đảm bảo phương thức vận hành các tổ máy an toàn, tối ưu và an ninh hệ thống điện. Báo cáo tình hình vận hành tổ máy theo “Quy trình nhiệm vụ và phân cấp điều độ hệ thống điện quốc gia” nhằm tối ưu hóa các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các tổ máy.
- Phối hợp với Tổ Thị trường Điện Phòng KTKH in ấn lượng điện năng hàng tuần và hàng tháng chủ trì làm việc với EVN (Truyền tải điện 4, EPTC,...) để xác nhận lượng điện năng phát và tiêu thụ.
- Theo dõi tình hình vận hành, thông số vận hành, số giờ vận hành thực tế và tương đương của các thiết bị thuộc Phân xưởng quản lý. Thực hiện kế hoạch hàng quý, năm của Công ty giao. Đề xuất các biện pháp đảm bảo tính đồng bộ, tiến độ thực hiện và điều chỉnh kế hoạch quý, năm của Nhà máy. Thường xuyên kiểm tra công tác thực hiện chế độ phiếu công tác, phiếu thao tác; Tổ chức xây dựng kế hoạch quý, năm, trung hạn, dài hạn về sản xuất điện. Tổ chức lao động; quản lý tiết kiệm vật tư, nhiên liệu; bảo đảm khối lượng công việc theo kế hoạch đạt chất lượng và tiến độ. Hạn chế tối đa sự cố chủ quan, đảm bảo không để xảy ra tai nạn lao động, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ trong quá trình vận hành.
- Khi xảy ra sự cố các thiết bị thuộc quyền quản lý vận hành thì Phân xưởng phải nhanh chóng xử lý sự cố, khắc phục các hư hỏng, khôi phục lại sản xuất. Thống kê, phân tích sự cố và đề xuất các biện pháp xử lý, khắc phục và giảm sự cố nguồn điện.
- Phối hợp với các Phòng chức năng thực hiện đầy đủ quy trình điều tra sự cố, tai nạn lao động trong Phân xưởng và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, quy trách nhiệm và đề xuất các hình thức xử lý.
- Thực hiện việc chuẩn hóa các quy trình vận hành, xử lý sự cố; quy trình kiểm tra thiết bị tự động điều khiển.
- Phối hợp với các Phòng chức năng áp dụng các sáng kiến cải tiến vào công tác vận hành; áp dụng các quy trình, quy phạm thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng, công nghệ viễn thông, quản lý môi trường của Nhà máy; Góp ý xây dựng danh mục và đặc tính kỹ thuật vật tư, thiết bị phục vụ sửa chữa lớn và vật tư dự phòng chiến lược của Nhà máy theo phân cấp.
- Chủ trì tổ chức và thực hiện các khóa đào tạo, tập huấn, diễn tập xử lý sự cố về lĩnh vực vận hành, hóa nghiệm của Nhà máy. Kiểm tra, kiểm soát, đánh giá nhân viên định kỳ, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc của nhân viên do Phân xưởng phụ trách để đáp ứng đủ năng lực và sẵn sàng thay thế, kế thừa khi cần thiết.
- Phối hợp với các Phòng chức năng tổ chức thi an toàn, PCCC thi quy phạm.
- Chủ trì việc bồi huấn và tổ chức thi giữ bậc, thi nâng bậc, thi độc lập cương vị.

- Phối hợp các phòng chức năng đăng ký kế hoạch ngừng, lên máy để thanh tra, thử nghiệm các tổ máy và sửa chữa các bất thường thiết bị thuộc Phân xưởng quản lý.
- Phối hợp tham gia Thị trường phát điện cạnh tranh.
- Phối hợp với các phòng chức năng trong việc lập và hoàn thiện hồ sơ thanh toán khí và điện.
- Thực hiện tốt công tác thông tin hai chiều phục vụ tốt công tác chỉ đạo sản xuất, quản lý của Giám đốc.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty và Phó Giám đốc phụ trách vận hành.

Tổ Hóa nghiệm thuộc Phân xưởng Vận hành

Chức năng:

Tổ hóa nghiệm có chức năng thực hiện công tác quản lý và kiểm tra, giám sát, xử lý đảm bảo các thông số kỹ thuật, chất lượng của các hóa chất, nước và hơi trong quá trình sản xuất; quản lý hệ thống xử lý nước thải, khí thải liên quan đến môi trường; phối hợp nhịp nhàng với các đơn vị trong Công ty để đạt được hiệu quả công việc tối ưu.

Nhiệm vụ:

- Giúp việc cho Lãnh đạo Phân xưởng về toàn bộ hoạt động của Tổ hóa nghiệm.
- Chịu trách nhiệm và báo cáo cho Lãnh đạo Phân xưởng về các công tác thực hiện trong tuần, lên kế hoạch thực hiện cho tuần tiếp theo.
- Kiểm tra, giám sát, xử lý đảm bảo các thông số kỹ thuật, chất lượng của nước và hơi trong các chu trình nhiệt, các hệ thống xử lý nước thô, nước khử khoáng, hệ thống xử lý nước thải; đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện các quy trình kỹ thuật vận hành thiết bị liên quan đến phân hóa (các thiết bị lấy mẫu, thiết bị đo online, các thiết bị đo trong phòng thí nghiệm...).
- Kiểm tra, thực hiện việc đo lường các thông số kỹ thuật của nước và hơi chính xác (đột xuất, định kỳ, trước và sau khi sửa chữa lớn), đối chiếu với tiêu chuẩn của nhà chế tạo và có nhận xét về các thông số nhiên liệu, vật liệu, nồng độ hóa chất được sử dụng trong thiết bị thuộc các cụm máy; kết hợp với Phòng ATSKMT theo dõi, kiểm tra giám sát các thông số nước thải, khí thải liên quan đến môi trường; Quản lý và khai thác, các trang thiết bị, dụng cụ chuyên dùng trong phòng thí nghiệm, các nhà lấy mẫu cùng các tài sản cố định khác thuộc phân cấp quản lý.
- Phối hợp các phòng chức năng đôn đốc việc thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị thuộc phân cấp quản lý của Tổ. Khi xảy ra sự cố các thiết bị thuộc quyền quản lý của Tổ Hóa thì Tổ phải áp dụng các biện pháp nhanh nhất để xử lý sự cố, khắc phục các hư hỏng, khôi phục lại thiết bị và sản xuất. Những nhiệm vụ đột xuất ngoài kế hoạch, theo yêu cầu hoặc mệnh lệnh của Lãnh đạo phải được tổ chức triển khai thực hiện đạt yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Hướng dẫn kiểm tra bộ phận kỹ thuật hóa thực hiện các quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn và chế độ phiếu công tác liên quan đến công tác hóa nghiệm. Bảo đảm mặt bằng, thiết bị được vệ sinh công nghiệp sạch sẽ, nề nếp.
- Đề xuất các biện pháp cải tiến liên quan đến Tổ do mình phụ trách, kịp thời đề xuất các biện pháp giải quyết đối với các trường hợp khó khăn, trở ngại trong công tác của các cá nhân trong Tổ.
- Lập kế hoạch công tác bảo trì các thiết bị, dụng cụ phân tích do Tổ mình phụ trách.
- Tổ chức bồi huấn, phổ biến cho các tổ viên trong tổ về kỹ thuật nghiệp vụ, an toàn theo nhu cầu cần thiết về người, máy móc, trang bị...tùy theo thời điểm, nhu cầu công tác cho tổ mình
- Phối hợp Phòng ATSKMT thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật BHLĐ bao gồm: Kỹ thuật an toàn (KTAT) hóa chất, PCCN, PCLB, bảo vệ môi trường, kỹ thuật VSLĐ, và cải thiện điều kiện làm việc; tiêu chuẩn và tính năng kỹ thuật của phương tiện, trang bị bảo vệ cá nhân người lao động; Thực hiện biên soạn và chuẩn hóa các quy trình kỹ thuật, hướng dẫn công việc phục vụ công tác hóa nghiệm, các tài liệu huấn luyện KTAT hoá nghiệm áp dụng trong Nhà máy.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty và Phó Giám đốc phụ trách vận hành.

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

Chức năng và Nhiệm vụ:

- Được tổ chức thực hiện các công việc (hoặc một phần công việc) do Giám đốc giao nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power NT2 trong phạm vi Giấy phép đăng ký hoạt động.
- Tổ chức thực hiện các công việc đối nội, đối ngoại, truyền thông, lễ tân, bố trí phương tiện đi lại, chỗ ở, phòng làm việc, phòng họp, đăng ký vé tàu xe, máy bay, các thủ tục xin cấp hộ chiếu, visa, tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và một số công tác khác của PV Power NT2 có liên quan tới các cơ quan hữu quan tại Tp.Hồ Chí Minh.
- Quản lý và tổ chức thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, bảo mật; quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản của PV Power NT2 giao cho Chi nhánh quản lý.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc công ty giao./.

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Cơ cấu cổ đông

5.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 22/05/2015

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số Cổ phần	Tỷ trọng (%)
1	Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	T8-9, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, P Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	153.600.000	60,00%
2	Công Ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	Tầng 7, tòa nhà Star Tower, Đường Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, Hà Nội	21.384.000	8,35%
3	Tổng công ty Điện lực - Vinacomin	226 Lê Duẩn, Trung phụng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	12.800.000	5,00%
	Tổng cộng		187.784.000	73,35%

Nguồn: PV Power NT2

5.2 Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 22/05/2015

TT	Cổ đông	Số lượng	Số Cổ phần	Tỷ trọng (%)
		cổ đông		
I	Cổ đông bên trong	14	22000	0,01%
1	HĐQT, BKS, BGD, KTT	14	22.000	0,01%
2	CBCNV	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
II	Cổ đông bên ngoài	1.579	255.978.000	99,99%
1	Cổ đông trong nước	1.553	241.890.400	94,49%
-	<i>Cá nhân</i>	1.534	33.598.940	13,12%
-	<i>Tổ chức</i>	19	208.291.460	81,36%
2	Cổ đông nước ngoài	26	14.087.600	5,50%
-	<i>Cá nhân</i>	12	131.400	0,05%
-	<i>Tổ chức</i>	14	13.956.200	5,45%
	TỔNG CỘNG	1.593	256.000.000	100,00%

Nguồn: PV Power NT2

6. Danh sách Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết**6.1 Danh sách Công ty mẹ**

Tên công ty:	Công ty TNHH MTV - Tổng Công Ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam
Địa chỉ:	Tầng 8,9 Tòa nhà Viện Dầu Khí Việt Nam, Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
Số điện thoại:	(04) 2221 0288
Số Fax:	(04) 2221 0388
Giấy CN đăng ký kinh doanh số:	0102276173 do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 31/05/2007, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 21/09/2010.
Ngành nghề kinh doanh:	Sản xuất và kinh doanh điện năng; đầu tư xây dựng mới các dự án điện độc lập (IPP); đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, trong đó có cả đầu tư kinh doanh đồng bộ lưới trung thế, hạ thế và bán điện công nghiệp, tiêu dùng; đầu tư, cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin; nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng: điện sức gió, điện mặt trời, điện nguyên tử; xuất nhập khẩu, kinh doanh năng lượng, nhiên liệu, thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện; cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện; kinh doanh bất động sản, dịch vụ bất động sản; xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch; cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận của các dự án điện năng; quản lý xây dựng và vận hành các nhà máy điện; thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện; đầu tư, xây lắp, mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh điện; đào tạo các khóa ngắn hạn, cung cấp lao động có tay nghề trong vận hành, bảo dưỡng các nhà máy điện.
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần tại PV Power NT2	62,8% vốn điều lệ của PV Power NT2.

6.2 Danh sách các công ty con

Không có

6.3 Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Không có

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản lượng sản phẩm / giá trị dịch vụ qua các năm

7.1.1 Các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty

- Quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Nhập khẩu nhiên liệu và thiết bị vật tư phụ tùng để sản xuất, kinh doanh điện;
- Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện;
- Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng, và sửa chữa các công trình nhiệt điện.

7.1.2 Dự án đã thực hiện - Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

a. Tổng quan

Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 2 nằm trên diện tích đất khoảng 452.000 m² tại Khu Công nghiệp Ông Kèo, ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai thuộc Trung tâm điện lực Nhơn Trạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tổng sơ đồ VI nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách về điện năng tăng nhanh trong giai đoạn 2006 - 2015. Với chính sách đa dạng hóa các thành phần kinh tế, khuyến khích các doanh nghiệp trong nước tham gia đầu tư trong lĩnh vực điện, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý về chủ trương giao cho Tập đoàn Dầu khí chủ trì cùng các doanh nghiệp khác đầu tư xây dựng NMTĐ Nhơn Trạch 2 công suất 750MW theo hình thức nhà máy điện độc lập (IPP), Công ty cổ phần Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PV Power NT2) được thành lập theo hình thức góp vốn của các cổ đông để làm Chủ đầu tư thực hiện xây dựng và quản lý vận hành khai thác nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Dự án được khởi công xây dựng từ ngày 27/6/2009 và chính thức phát điện thương mại toàn bộ chu trình hỗn hợp sau hơn 28 tháng xây dựng (16/10/2011), hoàn thành vượt tiến độ tổng cộng 45 ngày đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối, tiết kiệm chi phí đầu tư. Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được thiết kế theo công nghệ tiên tiến thế giới tua bin khí chu trình hỗn hợp thể hệ F với cấu hình 2-2-1, bao gồm 2 tua bin khí, 2 lò thu hồi nhiệt và 1 tua bin hơi với tổng công suất hoạt động 750 MW. Nhà máy không chỉ góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia nhờ cung cấp cho hệ thống sản lượng điện khoảng 4,2 tỷ kWh/năm mà còn góp phần bảo vệ môi trường do tuân thủ cơ chế phát triển sạch (CDM) của Liên hợp quốc.

b. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng

Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 có quy mô công suất 750 MW, cấu hình 2-2-1 (gồm 02 tuabin khí có công suất mỗi tổ máy khoảng 250 MW, 02 lò thu hồi nhiệt và 01 tuabin hơi có công suất tổ máy khoảng 250 MW).

Nhiên liệu chính là khí tự nhiên từ bể Nam Côn Sơn và Hải Thạch Mộc Tinh, nhiên liệu dự phòng là dầu DO.

Nhà máy được đấu nối vào lưới điện quốc gia thông qua sân phân phối 220 KV mở rộng của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 1.

Sản phẩm điện do nhà máy sản xuất sẽ được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam thông qua hợp đồng mua bán điện (Tập đoàn Điện lực Việt Nam là một trong những cổ đông sáng lập của PV Power NT2).

Số giờ vận hành:

- Số giờ vận hành trung bình năm: 6.000 giờ/năm.
- Số giờ vận hành thiết kế: 6.500 giờ/năm.

c. Đánh giá những thành tựu đã đạt được giai đoạn 2011 - 2014

- ❖ Năm 2011, PV Power NT2 đã cố gắng nỗ lực thực hiện tốt các nhiệm vụ, kế hoạch đề ra, triển khai đồng bộ và vượt tiến độ tổng cộng 45 ngày đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối, tiết kiệm chi phí đầu tư tự chủ về tài chính, tự thu xếp vốn để giải ngân thanh toán cho các nhà thầu đúng hạn và đưa nhà máy vào vận hành vượt tiến độ năm 2011 cung cấp sản lượng điện đạt 1.765 Triệu kWh cho hệ thống điện quốc gia vượt tiến độ 17 ngày so với kế hoạch năm 2011; Lợi nhuận sau thuế: 15.416 triệu đồng và đồng thời PV Power NT2 đã chuyển đổi, kiện toàn bộ máy từ quản lý dự án sang hoạt động vận hành SXKD điện, không gây xáo trộn về tổ chức, đời sống CBCNV được đảm bảo, an tâm công tác. Với sự quyết tâm cố gắng nỗ lực thực hiện đầu tư và đưa dự án hoàn thành vượt tiến độ, PV Power NT2 đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3 và khẳng định mô hình Công ty Cổ phần làm Chủ đầu tư dự án điện như Nhơn Trạch 2 đã làm là mô hình tiên tiến cần được phát huy trong tương lai và được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chọn làm dự án tiêu biểu trong Tập đoàn để các đơn vị khác học tập;
- ❖ Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty chính thức đi vào hoạt động SXKD. Tuy còn gặp nhiều khó khăn như suy thoái của nền kinh tế, phụ tải hệ thống điện thấp hơn so với dự báo và Nhà máy bị lỗi kế hoạch trong 9 năm đầu hoạt động (theo Báo cáo khả thi của Dự án đầu tư đã được phê duyệt tại Quyết định số 02/CPNT2-HĐQT ngày 16/01/2008 và được Bộ Công thương thẩm định thì tính đến năm năm 2018 nhà máy mới bắt đầu có lãi), nhưng với sự nỗ lực, quyết tâm cao của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty, sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của PVN/PV Power, Công ty đã vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm 2012 và đạt lợi nhuận ngay trong năm đầu tiên đi vào hoạt động với các chỉ tiêu chính đạt được như sau:
 - Sản lượng điện thương mại năm 2012 đạt 4.649,52 Tr.kWh, đã hoàn thành về đích trước 23 ngày đảm bảo an toàn tuyệt đối.
 - Lợi nhuận sau thuế đạt 7.683 Tr.đồng đạt 235% so với kế hoạch năm 2012, nộp ngân sách nhà nước 247.385 Tr.đồng đạt 139% so với kế hoạch năm 2012.
 - Hoàn thành tốt công tác tiểu tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2.
 - Bước đầu tham gia thị trường điện cạnh tranh đạt kết quả tích cực làm chủ tình hình và đạt được hiệu quả về sản lượng cũng như lợi nhuận khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.
- ❖ Năm 2013, PV Power NT2 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm 2013 với các chỉ tiêu chính như sau:
 - Vượt kế hoạch sản lượng điện, về đích trước 40 ngày đảm bảo an toàn tuyệt đối (đạt sản lượng điện kế hoạch 4.156 Tr.kWh vào ngày 22/11/2013). Đến ngày 31/12/2013 sản lượng điện thực hiện là 4.670 Tr.kWh đạt 112% so với kế hoạch năm 2013.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 8.219 Tr.đồng đạt 124% so với kế hoạch năm 2013.
 - Hoàn thành tốt công tác tiêu tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2.
 - Tích cực đẩy nhanh đàm phán giá điện chính thức Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 đã hoàn thành và được Đại Hội Đồng Cổ đông phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án Nhà máy Điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 tại Quyết định số 21/QĐ-CPNT2 ngày 15/05/2013.
- ❖ Tiếp nối thành tích đạt được trong các năm trước, năm 2014 PV Power NT2 đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2014 với các chỉ tiêu chính như sau:
- Sản lượng điện: 4.763.337.880 kWh
 - Lợi nhuận: 1.591 tỷ đồng (bằng 37,46% so với vốn chủ sở hữu)
 - Cổ tức: 18%

7.1.3 Dự án dự kiến thực hiện - Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng

a. Mục tiêu

Đến năm 2011, PV Power NT2 đã hoàn thành công tác xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, có nguồn doanh thu ổn định từ bán điện thành phẩm, với đội ngũ cán bộ sẵn có của Nhà máy đã qua trải nghiệm thực tế từ xây dựng Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Vì vậy, đây là giai đoạn thích hợp để năm 2015 Công ty bắt đầu công tác nghiên cứu và lập kế hoạch đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 mở rộng, có công suất quy mô tương tự Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2, ước tính tổng mức đầu tư khoảng 662 triệu USD.

Đây là dự án với quy mô cấp Quốc gia. Do đó, cần được sự hợp tác các bên liên quan và phải được Bộ Công thương, Chính Phủ thông qua, nên thời gian dự kiến có thể khởi công xây dựng là: 2017 và hoàn thành 2020.

b. Thuận lợi

Theo quy hoạch Trung tâm điện lực Nhơn Trạch bao gồm 4 nhà máy đã được Chính phủ thông qua, với nhu cầu điện tăng cho phát triển kinh tế xã hội đất nước tăng đều hàng năm khoảng 8-12% và vị trí đắc địa của Trung tâm điện lực Nhơn Trạch (Gần trung tâm phụ tải lớn nhất của cả nước, nên rất thuận lợi trong việc truyền tải). Trong bối cảnh một số dự án Nhà máy điện than công suất lớn trong cả nước bị chậm tiến độ vì nhiều lý do khác nhau, thì việc xem xét đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng là một trong những giải pháp hiệu quả nhằm góp phần đưa PV Power trở thành đơn vị đứng thứ hai sau EVN về Tổng sản lượng điện. Việc triển khai xây dựng dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng cho giai đoạn 2016 - 2020 có được những thuận lợi như sau:

- Về bộ máy quản lý:

PV Power NT2 có đầy đủ kinh nghiệm và nhân lực thực hiện tất cả các khâu từ quá trình đầu tư xây dựng, quản lý dự án cho đến vận hành khai thác Nhà máy điện tuabin khí CTHH. Bộ máy QLDA của Công ty hiện tại vẫn còn gần như nguyên vẹn so với giai đoạn đầu tư NMT Nhơn Trạch 2 trước đây.

PV Power NT2 tiếp tục thực hiện quá trình đầu tư xây dựng NMD Nhơn Trạch 2 mở rộng cũng sẽ rất phù hợp với chủ trương tái cơ cấu, do không cần thiết phải thành lập thêm một pháp nhân mới trên địa bàn Nhơn Trạch để triển khai.

▪ *Về thu xếp vốn:*

Là công ty cổ phần có nền tảng tài chính lành mạnh, PV Power NT2 hoàn toàn có khả năng tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế trong các năm tới, cũng như có thể phát hành cổ phiếu để thu hút các nhà đầu tư mới có tiềm năng.

Về vốn vay, hiện tại Công ty đang thực hiện hợp đồng vay vốn tín dụng xuất khẩu với tổ hợp các ngân hàng quốc tế do Citibank đứng đầu. Do việc thực hiện hợp đồng này rất tốt và việc trả nợ gốc và lãi vay luôn đầy đủ đúng hạn nên Công ty đã tạo được niềm tin và uy tín với các ngân hàng quốc tế. Mới đây Citibank đã gửi thư bày tỏ sẵn sàng thu xếp vốn vay cho dự án đầu tư mở rộng với những điều kiện tương tự như hợp đồng đã ký.

▪ *Về vị trí địa lý và hạ tầng cơ sở*

Vị trí Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hiện hữu nằm tại trung tâm phụ tải thuộc khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam. Quy hoạch ban đầu của Trung tâm điện lực Dầu khí Nhơn Trạch dự kiến đủ để phát triển 4 Nhà máy điện tuabin khí. Hạ tầng cơ sở của Trung tâm (Truyền tải điện, giao thông, cấp điện nước, thông tin liên lạc...) tương đối đồng bộ và hoàn thiện. Nhiều hạng mục kỹ thuật của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hiện hữu có thể được sử dụng chung với NMD Nhơn Trạch 2 mở rộng, qua đó tiết kiệm đáng kể chi phí và thời gian đầu tư xây dựng. Mặt khác, công suất khí của đường ống Phú Mỹ- Nhơn Trạch cũng quý đất của Trạm phân phối khí Nhơn Trạch của PVGas đã dự phòng đủ để xây lắp thêm dây chuyền cấp khí cho Nhà máy điện mới.

▪ *Về đền bù giải phóng mặt bằng*

Việc đầu tư mở rộng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sẽ cơ bản nằm trên diện tích đất còn lại (khoảng 20ha) hiện thuộc sở hữu của PV Power NT2, đã được đền bù và giải phóng mặt bằng trong giai đoạn xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trước đây (được dùng làm bãi tập kết vật tư thiết bị và tổ hợp các kết cấu công trình). Do đó sẽ tiết kiệm được nhiều chi phí cũng như thời gian đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư, đây là một trong những khâu khó khăn và phức tạp, là nguyên nhân gây chậm tiến độ và phát sinh chi phí với hầu hết các dự án trong thời gian qua.

▪ *Về công nghệ và nhân sự vận hành*

Việc đầu tư theo hình thức mở rộng với quy mô công suất và công nghệ tương tự thay vì đầu tư như một dự án hoàn toàn mới sẽ góp phần đáng kể rút ngắn tiến độ và giảm chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư, lựa chọn công nghệ, thiết bị, nhà thầu, thiết kế, thi công, giám sát, nghiệm thu, chạy thử... Công tác chuẩn bị sản xuất, đào tạo nhân lực vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, vật tư phụ tùng thay thế trong quá trình khai thác vận hành về sau cũng sẽ rất thuận lợi và tiết kiệm.

Với những thuận lợi được phân tích trên thì đây là giai đoạn thích hợp để PV Power NT2 bắt đầu công tác nghiên cứu và lập kế hoạch đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 mở rộng với khái toán sơ bộ như sau:

- *Tổng mức đầu tư dự án dự kiến: 662 triệu USD.*
- *Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu + vốn vay.*
- *Thời gian dự kiến thực hiện dự án:*
 - ✓ Năm 2015: Lập báo cáo xin bổ sung quy hoạch, xin chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền và triển khai công tác.
 - ✓ Năm 2016: Xin chấp thuận chủ trương đầu tư và các công việc chuẩn bị khác
 - ✓ Năm 2017: Khởi công xây dựng dự án.
 - ✓ Năm 2020: Hoàn thành, đưa nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng vào vận hành thương mại.

c. Định hướng phát triển sau khi hoàn thành dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng

Sau khi, PV Power NT2 hoàn thành công tác xây dựng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 mở rộng, dự kiến tổng sản lượng điện từ hai Nhà máy mỗi năm đạt 8.060 triệu kWh, PV Power NT2 đề ra mục tiêu sẽ tiếp tục vận hành đảm bảo an toàn, tiết kiệm, hiệu quả nhất trong thị trường phát điện cạnh tranh để có lợi nhuận tốt đảm bảo lợi ích của các Cổ đông nói riêng và lợi ích quốc gia nói chung. Bên cạnh đó, PV Power NT2 sẽ luôn cố gắng phát huy, tận dụng tối đa mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh và chuẩn bị sẵn sàng tham gia thị trường bán lẻ điện phù hợp với lộ trình phát triển thị trường điện lực Việt Nam của Chính phủ. Song song đó, PV Power NT2 sẽ tiếp tục tìm kiếm những cơ hội để đầu tư phát triển mới.

7.1.4 Cơ cấu Tổng doanh thu của Công ty qua các năm:

Bảng 3: Tổng Doanh thu từng nhóm sản phẩm của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		3 tháng năm 2015	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán điện	5.880.998	99,09%	7.064.917	93,98%	1.758.103	84,48%
2	Doanh thu tài chính	52.970	0,89%	450.492	5,99%	322.758	15,51%
3	Doanh thu khác	1.336	0,02%	2.407	0,03%	276	0,01%
Tổng cộng		5.935.304	100%	7.517.816	100%	2.081.137	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, năm 2014 và BCTC Quý I năm 2015

Từ năm 2013 đến nay, doanh thu từ hoạt động bán điện luôn giữ vai trò chủ đạo trong tổng cơ cấu doanh thu của Công ty và tăng trưởng đều qua các năm, năm 2013 đạt 5.881 tỷ đồng tăng 7,89% so với năm 2012 và năm 2014 đạt 7.065 tỷ đồng tăng 20,13% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 93,98% tổng doanh thu. Sở dĩ doanh thu bán điện tăng trưởng mạnh là nhờ vào:

- *Sự gia tăng cả về sản lượng điện sản xuất cũng như giá bán bình quân giúp NT2 đạt được kết quả doanh thu rất ấn tượng. Cụ thể, sản lượng điện trong năm 2014 đạt 4,76 tỷ kWh, vượt*

119,08% kế hoạch, đồng thời, giá bán bình quân được ước tính là 1.372 đồng/kWh, tăng 8,9% so với giá bán bình quân năm 2013.

- Ngoài ra, việc ghi nhận 658 tỷ đồng hồi tố giá điện từ EVN cũng góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng doanh thu bán điện năm 2014, bởi trong giai đoạn 2011 – 2013, EVN và NT2 vẫn chưa có hợp đồng mua bán điện chính thức mà chỉ có giá tạm tính trong đó EVN cam kết trả phân chênh lệch (nếu có) so với giá mua bán điện chính thức khi hợp đồng được kí kết. Giá điện tạm tính trong giai đoạn 2011 – 2013 thấp hơn giá chính thức mới được ký, thế nên NT2 được ghi nhận toàn bộ tiền hồi tố giá điện còn lại trong năm 2014 thông qua việc điều chỉnh giá điện từ EVN.

Năm 2014, doanh thu tài chính của Công ty tăng đột biến, đạt giá trị là 450 tỷ đồng, tăng gấp 9 lần so với cả năm 2013, chủ yếu là do lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ EUR theo tỷ giá mua của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm 31/12/2014, chiếm trên 89%, tương ứng 404 tỷ đồng. Cụ thể:

- Doanh thu ghi nhận khoản lãi từ việc đánh giá lại chênh lệch tỷ giá EUR tại thời điểm 31/12/2014 (25.542 VND/EUR) so với thời điểm 31/12/2013 (28.889 VND/EUR) là 447 tỷ đồng do tỷ giá EUR giảm 3.347 VND/EUR
- Công ty ghi nhận khoản lỗ do tỷ giá USD thời điểm 31/12/2014 (21.380 VND/USD) so với thời điểm 31/12/2013 (21.085 VND/USD) là âm 43 tỷ đồng do tỷ giá USD tăng 295 VND/USD.

Doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, bình quân dao động từ 0,02% đến 0,51% từ năm 2013 đến nay.

7.2 Nguyên vật liệu

- Nhiên liệu chính của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 là khí tự nhiên lấy từ mỏ Nam Côn Sơn và Hải Thạch Mộc tinh qua tuyến đường ống dẫn khí Phú Mỹ. Với khả năng cung cấp cũng như trữ lượng của các mỏ khí, nhiên liệu khí hoàn toàn đủ cung cấp làm nhiên liệu chính cho nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

PV Power NT2 đã ký hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 với Tổng công ty Khí Việt Nam (PVGAS). Theo đó, PVGAS sẽ bán cho Công PV Power NT2 lượng khí bình quân: 2.150.500m³/ngày (lượng khí tiêu thụ tương đương khoảng 800 triệu m³/năm), giá bán bình quân hiện nay ước tính khoảng 5,7 USD/triệu BTU. Nhà máy điện có công nghệ tua bin khí hỗn hợp sử dụng khí kinh tế hơn nhiều so với các nhiên liệu khác đứng trên quan điểm chi phí nhiên liệu, bảo trì vận hành và vòng đời dự án.

Mặt khác, việc sử dụng nhiên liệu sạch góp phần làm giảm lượng phát thải khí nhà kính so với các dự án điện khác có công suất tương đương nhưng sử dụng các nhiên liệu khác như than, dầu.

- Nhiên liệu dự phòng là nguồn dầu DO do được xem xét trên các yếu tố về vốn đầu tư, chi phí bảo trì và vận hành, hiệu suất, công suất tuabin khí. Vì vậy, thời gian sử dụng nhiên liệu phụ ước tính bằng 5% tổng số thời gian vận hành máy cùng với việc kết hợp hệ thống nhiên liệu hiện hữu của Nhà máy điện Nhơn Trạch 1.

Nhìn chung, đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành điện nói chung và PVPower NT2 nói riêng thì chi phí nguyên nhiên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng cơ cấu giá thành sản

xuất điện (bình quân khoảng 70%) nên khi nguồn nguyên nhiên liệu đầu vào này biến động sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, hiện nay PV Power NT2 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã ký một hợp đồng mua bán điện (PPA) với giá điện chính thức trong vòng 10 năm, từ năm 2011 tới 2020 nên hầu như sản lượng điện đầu ra luôn được đảm bảo, thêm nữa chi phí nguyên nhiên liệu này được chuyển hóa toàn bộ vào giá bán điện nên khi những rủi ro liên quan đến giá nhiên liệu sẽ không ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

7.3 Chi phí sản xuất

Bảng 4: Cơ cấu chi phí trong những năm gần đây của Công ty

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013			Năm 2014			3 tháng năm 2015		
		Giá trị	%TCP	%TDT	Giá trị	%TCP	%TDT	Giá trị	%TCP	%TDT
1	Giá vốn bán hàng	5.074.176	85,61%	85,49%	5.413.264	91,33%	72,01%	1.404.182	90,53%	67,47%
2	CP quản lý DN	65.817	1,11%	1,11%	74.704	1,26%	0,99%	16.177	1,04%	0,78%
3	Chi phí bán hàng	306	0,01%	0,01%	221	0,00%	0,00%	210	0,01%	0,01%
4	Chi phí tài chính	786.579	13,27%	13,25%	437.193	7,38%	5,82%	130.510	8,41%	6,27%
5	Chi phí khác	206	0,00%	0,00%	1.472	0,02%	0,02%	44	0,00%	0,00%
Tổng chi phí (TCP)		5.927.084	100,00%	99,86%	5.926.853	100,00%	78,84%	1.551.122	100,00%	74,53%
Tổng doanh thu (TDT) (*)		5.935.304			7.517.816			2.081.137		

(*) Tổng Doanh thu bao gồm: DTT từ hoạt động kinh doanh, DT hoạt động tài chính và DT khác

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý I năm 2015

Tổng chi phí năm 2013 chiếm 99,86% tổng doanh thu, trong khi đó năm 2014 là 78,84%, thấp hơn 21,02%. Nguyên nhân là do PV Power NT2 và EVN chính thức ký hợp đồng thỏa thuận giá điện đầu vào trong vòng 10 năm, từ năm 2011 tới 2020. Hợp đồng bán điện mới chỉ được ký trong năm 2014, do đó giai đoạn 2011-2013, Công ty áp dụng giá bán điện là giá bán tạm tính với EVN theo một mức giá cố định thấp hơn 8-10% giá được ký trong hợp đồng. Tổng doanh thu trong giai đoạn 2011-2013 tương đối thấp hơn so với năm 2014, dẫn đến tỷ lệ tổng chi phí/tổng doanh thu năm 2012 và 2013 này khá cao.

Trong cơ cấu chi phí của PV Power NT2 giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn. Giá vốn hàng bán chiếm lần lượt là 86,59% và 85,61% trên tổng chi phí, tương ứng chiếm 86,47% và 85,49% trên tổng doanh thu năm 2012 và 2013. Riêng năm 2014, giá vốn hàng bán chiếm 91,33% tổng chi phí và chiếm 72,01% tổng doanh thu.

Bên cạnh các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác có sự biến động nhẹ, thì chi phí tài chính chiếm tỷ trọng cao thứ 2 trong cơ cấu chi phí của Công ty có chiều hướng giảm mạnh. Cụ thể, tỷ lệ chi phí tài chính trên tổng chi phí giảm từ 13,27% trong năm 2013 còn 7,38%

trong năm 2014, tương ứng, tỷ lệ chi phí tài chính trong tổng doanh thu của 2 năm này giảm từ 13,25% còn 5,82%.

Việc thay đổi thời gian khấu hao máy móc thiết bị hình thành từ việc đầu tư xây dựng Nhà máy điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, tăng từ 10 năm lên 14 năm, được chính thức áp dụng kể từ ngày 01/07/2014 đã làm giảm chi phí khấu hao của NT2, cụ thể giảm 145,8 tỷ đồng.

Do đó, có thể thấy rằng Ban lãnh đạo Công ty hết sức chú trọng việc quản lý tài chính, thực hiện nghiêm túc quy định của Nhà nước, Chính phủ, chỉ thị của PVN/PV Power nên việc kiểm soát chi phí luôn đạt hiệu quả cao. Công ty đã nỗ lực rất nhiều trong việc quản lý tài chính như thành lập Tổ thị trường điện thực hiện các chính sách chào giá chuyên nghiệp khi tham gia thị trường điện cạnh tranh, áp dụng cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất và chất lượng cũng như chủ động triển khai, thực hiện nghiêm túc việc tiết kiệm tối đa chi phí, chống lãng phí nhằm mang lại kết quả tốt nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

7.4 Trình độ công nghệ

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với công suất 750MW được bố trí theo cấu hình 2-2-1, gồm 02 tuabin khí (TBK), 02 lò thu hồi nhiệt (LTHN) và 01 tuabin hơi (TBH). Nhà máy điện sử dụng công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp vận hành với nhiên liệu là khí thiên nhiên và nhiên liệu dự phòng là dầu DO. Theo đó, hai tuabin khí thể hệ F có dải công suất khoảng 250MW đốt được cả nhiên liệu khí và dầu DO. Ngoài ra, mỗi tổ máy tuabin khí được trang bị các hệ thống thiết bị phụ trợ đồng bộ.

Tổ máy tuabin hơi được thiết kế phù hợp với công nghệ lò thu hồi nhiệt với công suất định mức 250-280MW và cũng được trang bị các thiết bị phụ trợ đồng bộ. Hai lò thu hồi nhiệt loại 3 cấp áp lực, có tái sấy, tuần hoàn tự nhiên hoặc cưỡng bức, được lắp đặt ngoài trời và cũng có hệ thống thiết bị phụ trợ đồng bộ. Ngoài ra, hai máy phát điện công suất định mức khoảng 250MW đi theo 02 tuabin khí và một máy phát điện công suất định mức khoảng 250-280MW đi theo tuabin hơi và hệ thống thiết bị phụ trợ đồng bộ. Máy phát được trang bị hệ thống kích thích từ tĩnh có thể tự động điều chỉnh điện áp và ổn định điện áp.

Thêm vào đó, ba máy biến áp chính công suất từ 300-320MVA được nối với 03 máy phát của Nhà máy nhằm tăng áp từ điện áp đầu cực của máy phát lên trạm 220KV.

Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị chính hiện đại, thuộc thế hệ F của dòng sản phẩm tuabin khí chu trình hỗn hợp có nguồn gốc xuất xứ từ Cộng hòa Liên bang Đức để sản xuất điện năng với ưu điểm là hiện đại, thân thiện với môi trường và suất đầu tư thấp. Có thể nói máy móc thiết bị của Công ty thuộc vào loại hiện đại so với các nhà máy khác trong cùng ngành với công suất lớn, tính năng hiện đại, chủng loại mới và chất lượng tốt.

Ngoài ra, Công ty cũng luôn quan tâm phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng lực cán bộ công nhân viên, đặc biệt chú trọng đào tạo nhân sự ứng dụng những thành tựu công nghệ trong vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

7.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công ty luôn nỗ lực không ngừng để nâng cao lợi ích cho khách hàng, cán bộ công nhân viên cũng như cổ đông của Công ty. PV Power NT2 liên tục hoàn thiện chính sách quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho khách hàng.

Công ty đã đăng ký quản lý chất lượng theo yêu cầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tiêu chuẩn Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 14001 và OHSAS 18001 đã được cấp chứng nhận kể từ ngày 20/10/2014 đến ngày 19/10/2017 cho phạm vi sản xuất và cung cấp điện năng. Bên cạnh đó, Công ty còn hợp tác với các công ty uy tín nước ngoài như Tập đoàn Siemens (Đức), Torishima (Nhật Bản) và Areva (Singapore) nhằm cung cấp các vật tư phụ tùng máy móc có chất lượng để nâng cao độ tin cậy của hệ thống thiết bị nhà máy của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn gửi cán bộ, kỹ sư đi học nhằm nâng cao nghiệp vụ, cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho khách hàng.

7.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Công ty luôn chú trọng triển khai mạnh mẽ các thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành để giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, đạt được sự tin cậy, chính xác trong điều hành; Luôn đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, các giải quyết sáng kiến phải được triển khai áp dụng nhanh chóng, hiệu quả.

Ngày 09/12/2014, PV Power NT2 đã chứng nhận sáng kiến chống nhiễu các kênh đo độ rung tuyệt đối các gối trục Tuabin khí và Tuabin hơi Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 của tác giả Lưu Hoài Nam – Phó Quản đốc Phân xưởng vận hành PV Power NT2 và đồng các tác giả Trần Quang Thiên – Phó giám đốc PV Power NT2; Hà Lê Huy – Kỹ sư Phân xưởng vận hành PV Power NT2. Hiện Công ty đang tiếp tục tiếp nhận, xem xét và thẩm định các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật khác.

7.7 Hoạt động Marketing

Ngay từ khi mới thành lập, PV Power NT2 luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ và hỗ trợ của Chính Phủ, Bộ Công thương, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN), Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower), các đơn vị thành viên trong PVPower cũng như các đơn vị khác thuộc PVN, và các cơ quan, ban ngành khác...

Bên cạnh đó, PVPower NT2 đã hình thành nên một thương hiệu lớn của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, có uy tín đối với thị trường trong và ngoài nước, do đó PV Power NT2 được thừa hưởng những thuận lợi về mặt uy tín, thương hiệu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia nhằm nâng cao thương hiệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh và chiến lược phát triển của PV Power NT2.

Chỉ trong vòng 3 năm kể từ ngày được thành lập, PV Power NT2 đã từng bước xây dựng tổ chức và bộ máy ngày càng vững mạnh, hoàn thành xuất sắc công tác chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn vật nổ, ký kết các hợp đồng kinh tế, triển khai xây dựng Nhà máy điện đáp ứng yêu cầu về tiến độ và chất lượng. So với một số dự án nhiệt điện khác có cùng quy mô và công nghệ, dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã được triển khai nhanh hơn tới trên 2 năm. Công ty cũng đã thành công trong việc thu xếp khoản vay tín dụng xuất khẩu người mua (ECA) kỷ lục từ trước đến nay (470 triệu USD) dành cho Việt Nam với lãi suất ưu đãi từ các tổ chức tín dụng và ngân hàng quốc tế, được Chính phủ Việt Nam bảo lãnh toàn bộ.

Mặc dù trong giai đoạn đầu tư nhà máy điện Nhơn Trạch 2 Công ty chưa có doanh thu từ hoạt động SXKD chính, nhưng do biết sử dụng các nguồn vốn một cách linh hoạt và hiệu quả, Công ty đều có doanh thu và lợi nhuận sau thuế đáng kể qua từng năm. Kể từ khi nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đi vào vận hành thương mại chính thức (16/10/2011) hoạt động SXKD, tuy còn gặp nhiều khó khăn như suy thoái của nền kinh tế, phụ tải hệ thống điện thấp hơn so với dự báo và lỗ kế

hoạch trong 9 năm đầu vận hành sản xuất theo báo cáo khả thi của dự án nhưng do sự nỗ lực, quyết tâm cao của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty, sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của PVN/PV Power đã vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt lợi nhuận đáng kể ngay trong những năm đầu tiên đi vào hoạt động góp phần đảm bảo hoạt động SXKD, thu nhập của người lao động và gia tăng vốn chủ sở hữu.

Dựa vào những tiền đề trên, Công ty luôn phấn đấu trở thành công ty sản xuất và kinh doanh điện có hiệu quả trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Công ty đã xây dựng chiến lược giá bán điện phù hợp với cơ chế thị trường, đảm bảo sự hài hòa giữa lợi ích cổ đông và lợi ích xã hội cùng với sự phát triển chung của đất nước.

Hiện tại, Công ty cũng đang thực hiện chiến dịch quảng bá hình ảnh và thương hiệu của mình thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng cũng như hoạt động quảng cáo nhằm làm cho hình ảnh và thương hiệu của Công ty ngày càng được nâng cao thông qua báo chí (Đầu tư chứng khoán, Tuổi trẻ, Thanh niên, Nhân Dân, các Tạp chí Năng lượng, Tài chính, Tạp chí Cộng Sản...), truyền hình (Info TV, VTV3, VTV1, VTV9...), website Công ty và các website khác.

7.8 **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

- Nhãn hiệu thương mại : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
- Tên tiếng Anh :PetroVietnam Power NhonTrach 2 Joint Stock Company
- Tên viết tắt : PV Power NT2
- Ngày thành lập : 15/6/2007
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Mã số doanh nghiệp 3600897316 đăng ký lần đầu 20/06/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 12/09/2012.

- **Logo Công ty**



- Ý nghĩa Thương hiệu : Biểu tượng (Logo) của PV Power NT2 được thiết kế trên cơ sở nhãn hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, với hai màu chính là màu xanh da trời của nền và màu đỏ của ngọn lửa hai nhánh thể hiện thành quả hoạt động tìm kiếm thăm dò-khai thác và các lĩnh vực hoạt động khác để đưa tài nguyên dầu khí từ lòng đất, lòng thềm lục địa Việt Nam lên phục vụ đất nước. Ngọn lửa đỏ hai nhánh được bắt đầu từ trong lòng chữ V (chữ đầu của từ Việt Nam) được cách điệu tạo cho khoảng trống ở giữa hai ngọn lửa giống hình đất nước. Nhánh màu đỏ cháy lên từ chữ V của hàng chữ màu trắng PETROVIETNAM - tên giao dịch quốc tế của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. PV Power NT2 là tên giao dịch viết tắt của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2..

7.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:

Bảng 5: Danh sách các hợp đồng dịch vụ có giá trị lớn đã ký trong năm 2014

TT	Tên Khách Hàng	Ngày Ký Hợp đồng	Số Hợp đồng	Tình Trạng	Sản phẩm	Giá Trị chưa thuế (Triệu đồng)
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	06/07/2012	07/2012/HD-NMD-NT2	Còn hiệu lực	Mua bán điện	6.448.000
2	Tổng Công ty Khí Việt Nam	06/04/2010	Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KTTT-PV Power NT2/B4	Còn hiệu lực	Mua bán khí	4.026.000
3	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	28/5/2014	Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 về giá điện chính thức của Hợp đồng số 07/2012/HD-NMD-NT2	Còn hiệu lực	Mua bán điện	658.000
4	Công ty CP dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt nam	14/09/2011	Hợp đồng công tác bảo trì sửa chữa nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trong 100.000 giờ EOH đầu tiên số 68/2011/PV Power NT2 -PVPS	Giá trị thực hiện năm 2014	Sửa chữa bảo dưỡng nhà máy điện	441.500
5	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	28/5/2014	Thỏa thuận về việc thanh toán các khoản chênh lệch giữa tiền điện đã được thanh toán, giá điện chính thức trong giai đoạn kể từ ngày vận hành thương mại chính thức toàn nhà máy (16/10/2011) đến ngày 30/04/2012	Còn hiệu lực	Mua bán điện	223.000
6	Công ty TNHH BSI Việt Nam	23/06/2014	Hợp đồng dịch vụ cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 và hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004 số OHS,EMS/00199/2014/BSIVN-HCM-70	Hiệu lực 3 năm dựa trên thời hạn chứng chỉ	Cấp giấy chứng nhận	352

Nguồn: PV POWER NT2

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm	3 tháng năm 2015
1	Sản lượng điện thực hiện (triệu kWh)	4.670	4.763	1,99%	1.302,71
	Sản lượng điện kế hoạch (triệu kWh)	4.156	4.000	-3,75%	1.258,43
2	Tổng giá trị tài sản	12.186.179	12.483.549	2,44%	12.491.919
3	Vốn chủ sở hữu	2.787.676	4.246.684	52,34%	4.730.119
4	Doanh thu thuần	5.880.998	7.064.917	20,13%	1.758.103
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.089	1.590.028	22.329,70%	529.783
6	Lợi nhuận khác	1.130	935	-17,24%	232
7	Lợi nhuận trước thuế	8.219	1.590.963	19.256,63%	530.015
8	Lợi nhuận sau thuế	8.219	1.590.963	19.256,63%	503.436
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		18% ⁽¹⁾		
10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân	0,30%	45,23%	15.227,46%	11,22%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý I năm 2015

⁽¹⁾ Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 07/NQ-CPNT2 ngày 22/04/2015, Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2014 là 18% và Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông thông qua 2 đợt lần lượt 5% và 13%.

Tổng tài sản của Công ty đang có khuynh hướng tăng nhẹ, đến hết năm 2014 tổng tài sản đạt mức 12.484 tỷ đồng, tăng 2,44% so với cả năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu do các khoản phải thu khác tăng, Công ty đã ghi nhận khoản doanh thu bán điện bổ sung theo giá điện chính thức nhà máy điện Nhơn Trạch 2 giai đoạn từ ngày 01/05/2012 đến hết ngày 31/12/2013 vào báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014; một nguyên nhân khác là do Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định từ 10 năm thành 14 năm, trong khi tài sản cố định giảm dần qua khấu hao và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng tài sản (trên 70%) nên giá trị TSCĐ năm nay giảm thấp hơn so với các năm trước. Ngoài ra, các khoản tiền và tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn và trả trước cho người bán cũng tăng so với thời điểm 31/12/2013.

Tình hình hoạt động kinh doanh của PV Power NT2 trong năm 2012 và 2013 tương đối ổn định, với mức tăng trưởng bình quân của doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 7,89% và 6,99% nhưng đến hết năm 2014 Công ty đã đạt được thành tích vượt bậc, đạt 1.590,9 tỷ đồng lợi nhuận

sau thuế, tăng gần 193 lần so với cả năm 2013. Công ty đạt được kết quả này là do hai nguyên nhân:

- Sản lượng điện sản xuất tăng mạnh do tổ máy đầu tiên bắt đầu hoạt động từ tháng 03/2011 và tổ máy thứ hai hoạt động từ tháng 10/2011 nên sản lượng điện trung bình trong hai năm 2012 và năm 2013 khá cao, khoảng 4,65 tỷ KWh. Năm 2014 sản lượng điện đạt 4,76 tỷ Kwh, vượt 119,08% kế hoạch cả năm nên đã góp phần không nhỏ vào doanh thu và lợi nhuận cho toàn Công ty trong năm 2014.
- Việc ghi nhận 658 tỷ đồng hồi tố giá điện từ EVN cũng góp phần phần lớn vào sự tăng trưởng doanh thu bán điện năm 2014, bởi trong giai đoạn 2011 – 2013, EVN và NT2 vẫn chưa có hợp đồng mua bán điện chính thức mà chỉ có giá tạm tính trong đó EVN cam kết trả phân chênh lệch (nếu có) so với giá mua bán điện chính thức khi hợp đồng được kí kết. Giá điện tạm tính trong giai đoạn 2011 – 2013 thấp hơn giá chính thức mới được ký, thế nên NT2 ghi nhận toàn bộ tiền hồi tố giá điện từ EVN cho phần chênh lệch vào năm 2014.
- Doanh thu tài chính tăng đột biến chủ yếu là do lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ EUR theo tỷ giá mua của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm 31/12/2014. Cụ thể tỷ giá EUR của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm 31/12/2014 là 25.542,36 VND/EUR, giảm 3.347,38 VND/EUR so với tỷ giá tại thời điểm 31/12/2013 là 28.889,74 VND/EUR và tỷ giá USD tăng 295 VND/USD làm cho khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tăng đột biến lên 404 tỷ đồng.
- NT2 được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện, và giảm 50% thuế phải chịu trong 9 năm tiếp theo. Thời gian được miễn thuế từ năm 2011 đến 2014.

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

8.2.1 Thuận lợi

- ❖ *Thương hiệu lớn từ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, PV Power NT2 là Công ty Cổ phần do Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối cùng sự tham gia góp vốn của các Tập đoàn, PVPower và các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam như: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Công ty TNHH Phát triển Công nghệ, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam,* Vì vậy, ngay từ khi mới thành lập, PV Power NT2 luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ và hỗ trợ của Chính Phủ, Bộ Công thương, Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN), Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower), các đơn vị thành viên trong PVPower cũng như các đơn vị khác thuộc PVN, và các Cơ quan, Ban ngành khác, Đến nay, PV Power NT2 đã hình thành nên một thương hiệu lớn của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, có uy tín đối với thị trường trong và ngoài nước, do đó PV Power NT2 có được những thuận lợi về mặt uy tín thương hiệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh và hiển lộ phát triển của PV POWER NT2.
- ❖ *Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hiện là một trong những công trình trọng điểm của Quốc Gia, đặc biệt trong khu vực miền Đông Nam Bộ nên được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao từ cấp trên và các cổ đông lớn. Đồng thời, Công ty được hưởng một số cơ chế đặc thù theo quyết định 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005 nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc quản lý dự án.*

- ❖ *Nguồn nhiên liệu đầu vào được đảm bảo*, nhà máy sử dụng nhiên liệu chính là khí từ bể Cửu Long và Nam Côn Sơn thông qua đường ống dẫn Phú Mỹ - Tp.HCM, với sản lượng tiêu thụ khoảng 800 triệu m³ khí/năm. Ngoài ra, PV Power NT2 còn sử dụng nhiên liệu dự phòng là dầu DO với lượng tiêu thụ tối đa khoảng 2.600 tấn/ngày. Hợp đồng mua khí dài hạn với PVGas lên đến 25 năm do đó Công ty có sự ổn định về nguồn khí đầu vào.

- ❖ *Giảm thiểu rủi ro khi giảm giá điện*, hợp đồng mua bán điện được ký kết với EVN có thời hạn 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động (2011 - 2020). Giá bán điện trong hợp đồng gồm 2 phần: (i) phần giá cố định được tính theo suất đầu tư của vòng đời dự án, tương ứng với chi phí khấu hao nhà máy này, chi phí nhân công, vận hành, sửa chữa lớn, ... (ii) phần giá biến đổi bao gồm chi phí nhiên liệu khí/dầu, chi phí vận hành biến đổi và giá biến đổi được điều chỉnh hằng năm theo biến động giá nhiên liệu khí đầu vào. Vì vậy, khi giá khí đầu vào biến động thì giá bán điện sẽ thay đổi tương ứng, theo công thức tính giá điện như sau:

$$R = R_c + R_{tt}$$

Trong đó:

- ✓ *R: Tổng các khoản thanh toán tiền điện của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2*
 - ✓ *R_c: Thanh toán theo giá Hợp đồng mua bán điện đã ký với EVN*
 - ✓ *R_{tt}: Thanh toán theo giá thị trường phát điện cạnh tranh*
- ❖ *Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp*, trong giai đoạn từ năm 2011 – 2014, PV Power NT2 được miễn hoàn toàn thuế thu nhập doanh nghiệp và Công ty sẽ tiếp tục được giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Đặc biệt, các khoản hồi tố liên quan đến giá điện sẽ không bị đánh thuế khi ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh.
Bên cạnh đó, theo quy định Luật thuế hiện hành, PV Power NT2 sẽ không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho khoản lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính.

8.2.2 Khó khăn

- ❖ Áp lực cạnh tranh trên thị trường điện. Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, nguồn nguyên liệu như dầu, khí trở nên khan hiếm. Việc tìm kiếm và thăm dò của các nhà thầu dầu khí tại các khu vực trong nước diễn ra không thường xuyên. Chi phí nguyên, nhiên liệu đầu vào ngày càng tăng làm cho giá điện sau này tăng cao làm giảm hiệu quả SXKD của Công ty..
- ❖ Hiện nay, PV Power NT2 vẫn chưa được hưởng cùng mặt bằng giá khí với giá khí cấp cho các nhà máy điện của EVN trong khu vực miền Đông Nam Bộ sử dụng cùng nguồn khí Nam Côn Sơn, Công ty phải mua khí Nam Côn Sơn với giá cao hơn nên làm ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường điện.
- ❖ Sự suy giảm hiệu suất hoạt động của các nhà máy, tiêu hao nhiên liệu tăng theo tuổi thọ thiết bị dẫn đến chi phí nhiên liệu tăng. Bên cạnh đó, sự gia tăng chi phí sửa chữa bảo dưỡng cùng với tuổi thọ thiết bị và đặc biệt là việc các tổ máy phải khởi động lại nhiều hơn khi tham gia vào thị trường điện cạnh tranh làm tăng chi phí nhiên liệu và sửa chữa bảo dưỡng.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Phân tích SWOT

9.1.1 Điểm mạnh

- Trong thời gian qua, Công ty hoàn thành tốt công việc nhờ vào đội ngũ cán bộ và nhân sự có kinh nghiệm về đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý dự án; đội ngũ ban lãnh đạo PV Power NT2 là những người được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm về quản lý dự án, đoàn kết tốt và quyết tâm hoàn thành dự án đúng tiến độ. Mặt khác, Công ty cũng học hỏi kinh nghiệm và kế thừa những thành quả của các dự án khác như Dự án Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư xây dựng.
- Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được xây dựng trên diện tích khoảng 30,9 ha (trong tổng diện tích 42 ha thuộc sở hữu của PV Power NT2). Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với công suất 750 MW, sử dụng công nghệ sản xuất điện hiện đại và là nhà máy có hiệu suất cao nhất của Việt Nam tại thời điểm này. Cụ thể, nhà máy sử dụng công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp thể hệ F, được nhập khẩu từ Cộng hòa Liên bang Đức do hãng Siemens chế tạo, nhà máy có cấu hình 2-2-1 (2 tuabin khí công suất mỗi tổ 250MW, 2 lò thu hồi nhiệt và 1 tuabin hơi công suất 250MW). Hỗn hợp nhiên liệu (khí thiên nhiên hoặc dầu DO) được hòa trộn với không khí sạch theo một tỷ lệ tối ưu và được đốt cháy hoàn toàn trong buồng đốt của tuabin khí để tạo ra một lượng lớn không khí nóng giãn nở qua các tầng cánh của tuabin khí và làm quay tuabin khí cùng với máy phát điện. Lượng nhiệt thải từ tuabin khí sẽ được lò thu hồi nhiệt giữ lại và sinh hơi để cung cấp cho tuabin hơi để làm quay máy phát điện. Chu trình sản xuất điện hỗn hợp này là một trong những công nghệ sản xuất điện hiệu quả nhất nhờ tận dụng được nguồn nhiệt từ tuabin khí.
- Vị trí lắp đặt nhà máy nằm ở khu công nghiệp Ông Kèo (huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai), gần trung tâm phụ tải Miền Nam, là tam giác kinh tế trọng điểm phía nam, hệ thống truyền tải điện thuận lợi, gần sông tiện lợi cho vận tải thiết bị, công tác lấy và thải nước làm mát.
- Sự phát triển của ngành dựa trên lộ trình về sự phát triển ngành điện của Chính phủ nhằm mở rộng thị trường điện lực cũng là sự thuận lợi của PV Power NT2.

9.1.2 Điểm yếu

- Để mở rộng đầu tư Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Công ty dự kiến sẽ tiếp tục huy động thêm vốn vay từ các ngân hàng hoặc tổ chức tài chính có uy tín trong nước, với tỷ trọng cơ cấu nợ vay 70-30. Do đó, Công ty sẽ chịu ảnh hưởng từ việc sử dụng đòn bẩy tài chính.
- Mặt khác, tính đến 31/01/2015, dư nợ từ khoản vay ngoại tệ khá lớn gồm 146.099.081 USD và 133.480.136 EUR nên với tình hình thực tế hiện tại đặc biệt là đồng USD đang được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh tăng thêm 1% sẽ ảnh hưởng không tốt đến việc đánh giá chênh lệch tỷ giá đồng USD, cụ thể sẽ ghi nhận khoản lỗ.

9.1.3 Cơ hội

- Ngay từ khi mới thành lập, PV Power NT2 luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ và hỗ trợ của Chính Phủ, Bộ Công thương, Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN), Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower), các đơn vị thành viên trong PVPower cũng như các đơn vị khác thuộc PVN, và các Cơ quan, Ban ngành khác....
- Nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và đang trong giai đoạn phục hồi và tái cơ cấu để tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và PV Power NT2 nói riêng tiếp tục triển khai việc đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh.
- Nhu cầu rất lớn về điện năng cho sự phát triển của đất nước sẽ thuận lợi cho Công ty trong việc sản xuất ổn định, bền vững và phát triển dự án được nhanh chóng.
- Thị trường điện năng của Việt Nam sẽ chuyển sang giai đoạn thị trường điện cạnh tranh.
- Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 là một trong những công trình trọng điểm của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Cùng với sự phát triển của nền kinh tế trong nước, thì ngành đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện, sản xuất và kinh doanh điện năng là ngành luôn thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là Khu công nghiệp Ông Kèo, Khu công nghiệp Nhơn Trạch.

9.1.4 Nguy cơ

- Những bất ổn tiềm ẩn của nền kinh tế trong nước nói chung và của ngành dầu khí nói riêng trong giai đoạn hậu khủng hoảng của nền kinh tế.
- Sức ép cạnh tranh từ các công ty, đơn vị sản xuất điện khác trên thị trường.
- Giá nguyên, nhiên liệu đầu vào có khả năng tăng lên như: giá khí, giá dầu,...nên ít nhiều cũng bị ảnh hưởng.
- Ngành kinh doanh điện có đặc thù là giá mua - bán điện phụ thuộc vào sự điều chỉnh giá của Nhà nước. Trong khi đó, cơ chế giá điện còn nhiều bất cập ảnh hưởng tới khả năng tích lũy khi đầu tư vào các dự án theo quy hoạch điện. Đây là khó khăn lớn nhất đối với sự phát triển của ngành điện cũng như hình thành thị trường điện mang tính cạnh tranh ở nước ta. Vì vậy, biến động về giá bán điện sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

9.2 Vị thế của Công ty trong ngành

- ❖ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đứng thứ hạng 166 trong Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, đứng sau một số Tập đoàn và Tổng Công ty và đứng thứ hạng số 2 trong số các công ty cổ phần thuộc ngành sản xuất, kinh doanh, phân phối điện.

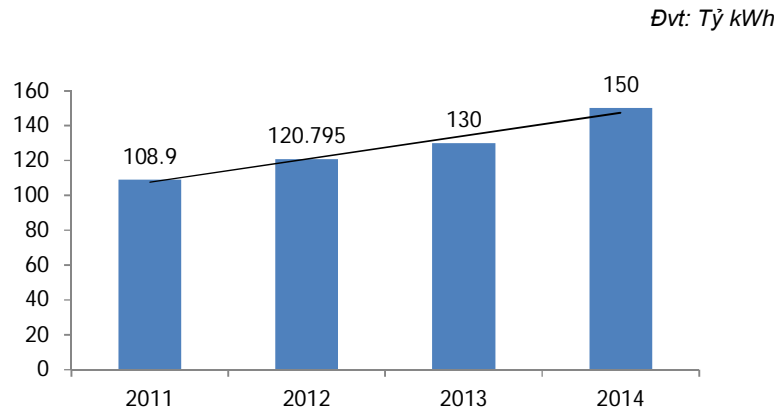
- ❖ PV Power NT2 sở hữu và vận hành Nhà máy Nhiệt điện khí lớn của ngành Dầu khí, chiếm 7,5% tổng nhu cầu tiêu thụ điện toàn miền Nam (10.011MW) và 3,5% tổng sản lượng điện cả nước năm 2013. Nhà máy có tổng công suất 750MW, sản lượng bình quân khoảng 4,5 tỷ kWh/năm tương đương 6.000 giờ vận hành/năm.
- ❖ Nhờ vào chiến lược kinh doanh đúng đắn cùng với sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo và CBCNV, Công ty đã từng bước khẳng định vị thế trong thị trường điện cạnh tranh. Tính đến thời điểm hiện nay, PV Power NT2 là một trong những thành viên chủ chốt trong hệ thống điện quốc gia, đặc biệt ở khu vực miền Đông Nam Bộ, với khả năng cung cấp 3-3,5% sản lượng điện cả nước. Ngoài nhiệm vụ phát điện, PV Power NT2 còn có vai trò quan trọng trong ổn định hệ thống lưới điện, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng đất nước.
- ❖ Công ty sở hữu bộ máy quản lý giàu kinh nghiệm, gọn nhẹ nhưng tinh nhuệ, có trình độ chuyên môn cao. Bởi Công ty luôn quan tâm và có chế độ đãi ngộ hợp lý, khen thưởng kịp thời, tạo điều kiện cho CBCNV được đào tạo, nâng cao trình độ về nhiều mặt. Đồng thời, công ty quản lý chặt chẽ việc sử dụng quỹ phúc lợi hợp lý, hiệu quả và thiết thực với đời sống của người lao động. Điều quan trọng là công ty tạo ra được môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, chăm lo mọi mặt đời sống vật chất tinh thần để người lao động yên tâm cống hiến và gắn bó lâu dài với công ty.
- ❖ Ngoài ra, PV Power NT2 còn dẫn đầu về việc áp dụng công nghệ hiện đại, được đánh giá là công nghệ hàng đầu về nhiệt điện turbine khí chu trình hỗn hợp, với trình độ tự động hóa, hiệu suất và độ khả dụng cao. Công ty có đội ngũ kỹ sư, công nhân vận hành được đào tạo tốt và lành nghề, bố trí theo các ca, kíp vận hành luân phiên 24/24 giờ, đảm bảo vận hành ổn định, an toàn, hạn chế tối đa các sự cố.
- ❖ Bên cạnh đó, PV POWER NT2 còn có chiến lược chào giá hợp lý, linh hoạt, bám sát thị trường, thực hiện hồ sơ thanh toán chính xác, nhanh gọn, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chính vì thế, khả năng cạnh tranh trong thị trường phát điện của công ty được cải thiện.

9.3 Triển vọng phát triển của ngành

9.3.1 Tổng quan ngành

Ngành Điện Việt Nam là một trong những ngành then chốt, hấp dẫn đầu tư do tốc độ tăng trưởng kinh tế và nhu cầu sử dụng điện năng tại Việt Nam ngày một tăng cao. Sản lượng điện tiếp tục gia tăng, từ 108.9 tỷ kWh năm 2011 lên khoảng 150 tỷ kWh năm 2014.

Sơ đồ 2: Sản lượng điện giai đoạn từ 2011 – 2014

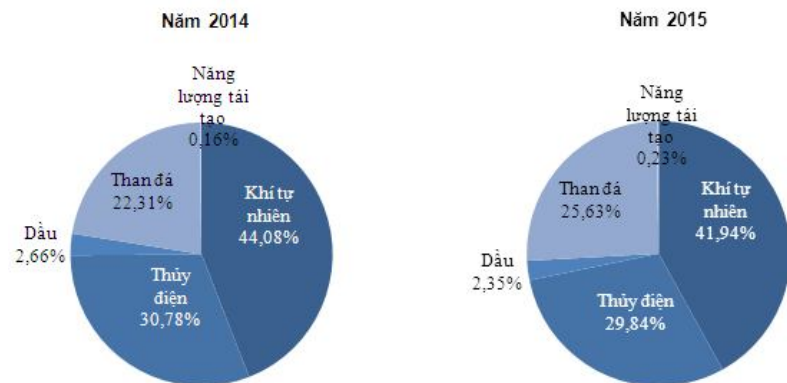


N
guồn: SSI tổng hợp

Hiện nay, thị trường điện nhận được sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước nhằm chuyển ngành điện theo cơ chế thị trường, tăng tính minh bạch và cạnh tranh, bên cạnh đó sẽ đảm bảo sự phát triển vững mạnh của ngành, phục vụ nhu cầu cung cấp điện cho các hoạt động sản xuất và đời sống chính trị xã hội của đất nước.

Về cơ cấu nguồn điện, sản lượng điện được sản xuất chủ yếu từ các nhà máy thủy điện và nhiệt điện than, dầu, tuabin khí dầu và các nguồn phát điện độc lập (IPP). Cơ cấu nguồn điện tính tới năm 2014 gồm 30% thủy điện, 22% nhiệt điện than, 47% nhiệt điện dầu và khí, và dưới 1% từ các nguồn nguyên liệu xanh.

Sơ đồ 3: Cơ cấu ngành điện năm 2014 – 2015 (dự kiến)



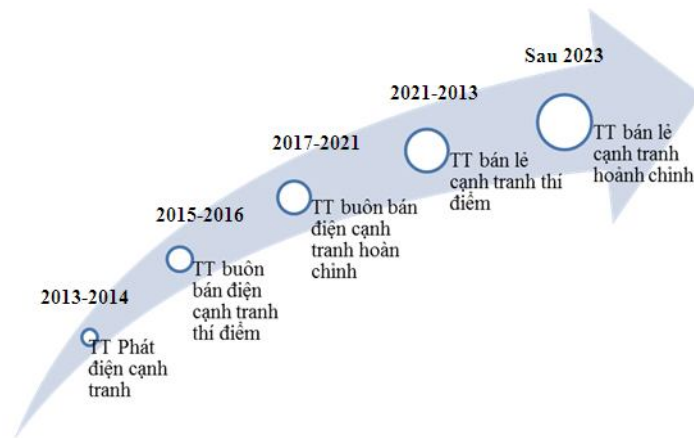
Nguồn: SSI tổng hợp

Hiện nay thủy điện vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất điện, mặc dù Nhà nước đang có những cố gắng giảm sự phụ thuộc vào nguồn thủy năng. Thay vào đó là chuyển dịch cơ cấu sang các nhà máy nhiệt điện. Sản lượng nhiệt điện tăng từ 78,092 TWh năm 2012 lên 94,242 TWh và dự kiến sẽ đạt 127,502 TWh năm 2017 theo Business Monitor International. Nhiệt điện than đang được chú trọng với các chính sách và dự án xây dựng 90 nhà máy với công suất đạt 106 GW cho

đến năm 2025 với tổng chi phí 83 tỷ USD. Thế nhưng hiện nay, nhiệt điện khí chiếm tỷ trọng cao nhất 64% trong cơ cấu nhiệt điện, và được sẽ tiếp tục đóng vai trò chủ yếu trong nhiệt điện.

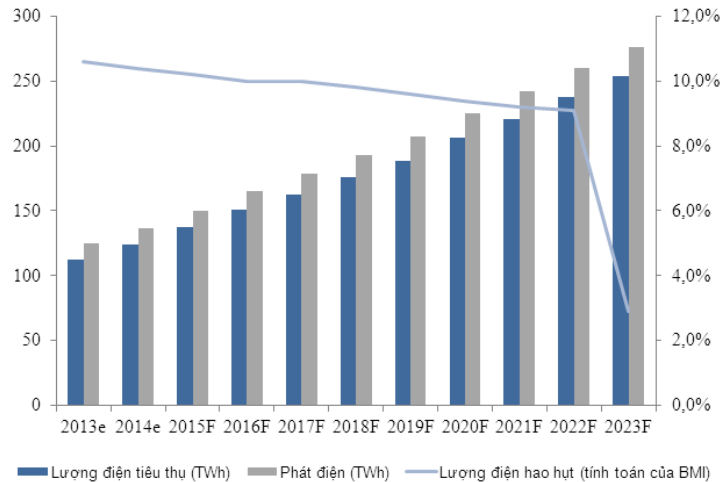
9.3.2 Triển vọng ngành:

Ngành Điện trong thời gian tới có những lợi thế do nhu cầu sử dụng điện ngày một gia tăng do sự phát triển kinh tế và các yếu tố xã hội con người. Theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước về việc giảm mức lãi suất và gia tăng hoạt động trong các ngành kinh tế, nhu cầu tiêu thụ điện sẽ ngày một tăng cao. Ngoài ra, nhằm chuyển đổi cơ cấu thị trường, ngày 08/11/2013, Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg được ban hành, quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực Việt Nam, hướng đến năm 2023 thị trường điện bán lẻ cạnh tranh sẽ được vận hành:



Chính sách này tạo bước chuyển thành ngành điện bán lẻ cạnh tranh sẽ thu hút thêm được sự quan tâm và đầu tư của doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tuy vẫn còn nhiều điểm yếu về việc Chính phủ kiểm soát gắt gao giá điện, sự độc quyền chi phối ngành điện lực của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), cũng như những thiếu sót trong hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng, ngành Điện vẫn có rất nhiều cơ hội phát triển trong tương lai. Kế hoạch phát triển dài hạn cho ngành Điện từ năm 2011-2020 sẽ hướng đến mục tiêu gia tăng tổng sản lượng điện từ 194-210 TWh năm 2015 đến 330-362 TWh năm 2020 và 695-834 TWh năm 2030, mở ra nhiều điều kiện phát triển hơn nữa. Việc tăng giá điện sẽ góp phần gia tăng lợi nhuận cho các nhà sản xuất.

Sơ đồ 4: Sản lượng tiêu thụ điện dự kiến



Nguồn: BMI

Theo số liệu của Business Monitor International (BMI), lượng điện tiêu thụ được dự đoán gia tăng từ 8-11% mỗi năm, và đạt được khoảng 251,1 TWh vào năm 2023, lượng điện sản xuất cũng sẽ gia tăng mạnh trong những năm tới đạt 276,01 TWh năm 2023. Bên cạnh đó, với những cải tiến về cơ sở vật chất, hạ tầng nhằm gia tăng hiệu quả truyền phát điện, lượng điện hao hụt sẽ giảm từ 10,6% năm 2013 còn khoảng 3% vào năm 2023.

Nhìn chung, điện lực được đánh giá là ngành thiết yếu của nền kinh tế quốc dân, phục vụ sản xuất kinh doanh và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt. Sự phát triển của ngành điện có ý nghĩa nền tảng đối với công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung. Là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh điện năng, Công ty luôn luôn thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, phát triển ngành điện phải đi trước một bước để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

9.4 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp trong cùng ngành

9.4.1 So sánh về tình hình hoạt động kinh doanh:

Hiện tại, trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), có 3 Doanh nghiệp có ngành nghề hoạt động tương tự như PV Power NT2 là: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC); Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (NBP) và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP). Các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp được so sánh với PV Power NT2 theo các bảng dưới đây:

Bảng 7: So sánh các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	NT2	PPC	NBP	BTP
1	Tổng giá trị tài sản	12.484	11.324	370	1.978
2	Vốn chủ sở hữu	4.247	5.674	250	1.038
3	Doanh thu thuần	7.065	7.482	977	2.101
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.590	1.303	57	166
5	Lợi nhuận khác	1	8	1	0
6	Lợi nhuận trước thuế	1.591	1.302	58	166
7	Lợi nhuận sau thuế	1.591	1.054	45	134
8	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	45,23%	19,04%	19,14%	13,35%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của PPC, NBP và NTP

Đối với các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh, PV Power NT2 vượt trội hơn hẳn so với các Công ty cùng ngành đã niêm yết trên sàn về cả quy mô lẫn kết quả hoạt động kinh doanh. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế trong năm 2014 của PV Power NT2 đạt đến 1.591 tỷ đồng trong khi các công ty còn lại đều thấp hơn hẳn.

9.4.2 So sánh về tình hình tài chính:

Bảng 8: So sánh các chỉ tiêu về tài chính

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	NT2	PPC	NBP	BTP
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,37	4,90	2,81	3,74
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,26	4,44	2,13	3,37
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,66	0,50	0,32	0,48
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,94	0,99	0,48	0,91
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	21,80	8,50	8,65	13,29
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,57	0,64	2,38	1,11
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	22,52%	14,09%	4,61%	6,35%

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	NT2	PPC	NBP	BTP
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	45,23%	19,04%	19,14%	13,35%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	12,90%	9,00%	10,97%	7,04%
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	22,51%	17,42%	5,80%	7,90%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của PPC, NBP và NTP

Không chỉ vượt trội về kết quả hoạt động kinh doanh mà PV Power NT2 còn vượt trội cả về các chỉ tiêu liên quan đến khả năng sinh lời so với các doanh nghiệp cùng ngành đã niêm yết như: PPC, NTP và BTP. Điều này được cụ thể hóa qua chỉ tiêu về khả năng sinh lời như ROE đạt 45,23% và ROA đạt 12,90%.

9.5 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Chiến lược phát triển của PV Power NT2 trong thời gian tới là vận hành Nhà máy điện an toàn, ổn định và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đạt lợi nhuận tốt nhất. Công ty luôn tuân thủ đúng 3 tiêu chí về sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi như sau:

- Sứ mệnh: Đảm bảo cung cấp điện năng thương phẩm ổn định, an toàn, hiệu quả và thân thiện với môi trường. Trở thành một đơn vị sản xuất điện đáng tin cậy, với bộ máy chuyên nghiệp, có trình độ và kinh nghiệm, đoàn kết nhất trí; có đóng góp đáng kể vào sự phát triển của thị trường Việt Nam; đồng thời tạo ra những giá trị gia tăng bền vững cho khách hàng và cổ đông.
- Tầm nhìn: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 phần đầu ngày càng trở thành một trong những công ty đứng đầu trong ngành phát điện ở Việt Nam. Đến nay, nhờ sự quản lý sáng suốt, phương hướng hoạch định đúng đắn của Ban lãnh đạo, PV Power NT2 đã đạt được những bước đi vững chắc và đã từng bước khẳng định được vị thế quan trọng của Công ty trong hệ thống điện Việt Nam.
- Giá trị cốt lõi: Thu hút, duy trì và phát triển những nhân sự, cán bộ tốt nhất; Hành động và làm việc trên tinh thần đoàn kết, hợp tác với các đối tác cũng như với các đồng nghiệp, tạo dựng và phát triển thương hiệu, bản sắc văn hóa doanh nghiệp, với tinh thần xây dựng công ty trở thành “mái nhà chung” cho tập thể cán bộ công nhân viên.

Song song đó, Công ty cũng luôn đề ra mục tiêu và chiến lược phần đầu từng năm:

- Phát triển Công ty trở thành nhà cung cấp, sản xuất điện đáng tin cậy, đáp ứng tối đa nhu cầu điện năng phục vụ phát triển kinh tế xã hội đất nước
- Phần đầu sản xuất kinh doanh tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

- **Đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý.** Tăng cường các khóa đào tạo Quản lý kỹ thuật, thị trường phát điện cạnh tranh cho các bên trực tiếp vận hành.
- **Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất;** Chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.
- **Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn** trong thị trường phát điện cạnh tranh.
- **Xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp.** Tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội.
- **Phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với EVN/A0/EPTC, PVGas, PVPS và các đơn vị liên quan** nhằm đảm bảo công tác vận hành nhà máy liên tục an toàn, hiệu quả.

Tóm lại, chiến lược và định hướng phát triển của PV Power NT2 là hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành và chính sách của Nhà nước. Mỗi giai đoạn, Công ty luôn đưa ra từng giải pháp cụ thể và kịp thời nhằm hoàn thành tốt nhất kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng khả năng cạnh tranh thông qua việc cải thiện bộ máy quản lý, vận hành hiệu quả, linh hoạt và tiết kiệm, đồng thời luôn chú trọng công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ mới để nâng cao năng lực sản xuất nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất cho Công ty.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng người lao động trong Công ty

- Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2014 là 175 người.
- Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty:

TT	Trình độ chuyên môn	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và trên đại học	128	73,14%
2	Cao đẳng	9	5,14%
3	Trung cấp và sơ cấp	38	21,71%
Tổng cộng		175	100%

Nguồn: PV Power NT2

10.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

10.2.1 Chính sách đào tạo:

- PV Power NT2 luôn quan tâm, chú trọng và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm, Công ty đều xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch đào tạo cho đội ngũ nhân viên bao gồm các khóa đào tạo trong và ngoài nước, ngắn và dài hạn, tổ chức mở các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, cử cán bộ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, lý luận về chính trị, quản lý,...

- Công ty đang tiếp tục củng cố công tác tuyển dụng nhân sự liên tục cập nhật và ban hành các quy chế tuyển dụng, quy trình tuyển dụng và đào tạo vận hành phù hợp với thực tiễn,...
- Mặt khác, Công ty cũng kết hợp với các trung tâm, cơ quan chức năng tại địa bàn hoạt động để tổ chức các lớp tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy,... Công ty đã phối hợp với trường Cao đẳng nghề Dầu khí đào tạo cán bộ, kỹ sư, công nhân để phục vụ vận hành nhà máy điện.

10.2.2 Chính sách tiền lương, thưởng:

- Công ty ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng được áp dụng cho toàn thể cán bộ công nhân viên và hàng năm đều có sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế. Công ty trả lương cho CBCNV tùy thuộc vào năng lực và hiệu quả công việc, hàng năm đều tiến hành họp Hội đồng lương để xét tăng lương cho người lao động, khuyến khích người lao động làm việc tích cực, hoàn thành tốt, nâng cao hiệu quả công việc. Mỗi năm người lao động được hưởng tối thiểu 13 tháng lương.
- Ngoài ra, người lao động còn được hưởng lương, thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc dựa trên kết quả bình xét thi đua hàng Quý. Chế độ thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, lao động tiên tiến, có sáng kiến trong lao động... được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty. Ngoài ra, chế độ thưởng cho người lao động nhân các ngày lễ lớn: Quốc Khánh, Quốc tế Lao động, ngày thành lập Công ty, khen thưởng cho các con em của người lao động có thành tích học tập tốt, nhân dịp Quốc tế thiếu nhi,... cũng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty.
- Chính sách tiền lương của Công ty được xây dựng trên cơ sở tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty. Công ty áp dụng hình thức trả lương theo thời gian và theo năng suất lao động.
- Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

10.2.3 Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Bộ Luật lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể. Chế độ bảo hiểm xã hội của Công ty bao gồm đầy đủ ba chế độ: ốm đau, thai sản và tai nạn lao động. Công ty đặc biệt quan tâm đến việc hiếu hỷ cho CBCNV. Ngoài ra, tùy từng trường hợp và vị trí làm việc cụ thể mà người lao động được hưởng các khoản phụ cấp khác như: phụ cấp chức vụ, phụ cấp độc hại, phụ cấp lưu động, trợ cấp thai sản... được quy định tại Thỏa ước lao động tập thể được ký kết giữa Ban lãnh đạo Công ty và Ban chấp hành Công đoàn hàng năm.
- Đồng thời, hàng năm Công ty đều mua bảo hiểm tai nạn cho 100% CBCNV với mức phí bảo hiểm cao. Người lao động hàng năm đều được tổ chức khám sức khỏe định kỳ và đi tham quan du lịch, cấp trang phục văn phòng. Ngoài ra, Công ty đã thành lập Hội đồng bảo hộ lao

động, Ban An toàn sức khỏe môi trường, chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, công tác phòng cháy chữa cháy.

- Thêm vào đó, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho CBCNV như chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; quan tâm tới CBCNV trong các ngày lễ tết.

11. Chính sách cổ tức

PV Power NT2 chi trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Cổ đông được chia cổ tức tương ứng với số vốn góp, thời gian góp vốn và theo tỷ lệ đã được thông qua bởi ĐHĐCĐ của Công ty.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Bảng 9: Tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm

Năm	2012	2013	2014
Tỷ lệ chi trả cổ tức	-	-	18% ⁽¹⁾
Hình thức chi trả	-	-	Tiền mặt

Nguồn: PV Power NT2

⁽¹⁾ Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 07/NQ-CPNT2 ngày 22/04/2015, Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2014 là 18% và Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông thông qua 2 đợt lần lượt 5% và 13%.

12. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản trong năm vừa qua

12.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 10 - 20 năm
- Máy móc thiết bị : 06 - 14 năm
- Phương tiện vận tải : 06 – 8 năm
- Thiết bị văn phòng : 03 - 6 năm

Áp dụng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014, Công ty thay đổi thời gian khấu hao từ 10 năm thành 14 năm, của tài sản cố định là máy móc thiết bị hình thành từ việc đầu tư xây dựng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, theo Quyết định số 27/QĐ-CPNT2 ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Việc thay đổi thời gian khấu hao này, dẫn đến chi phí khấu hao của Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong năm 2014 giảm với số tiền là 145.821.076.519 đồng và lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, sẽ tăng cùng số tiền tương ứng.

12.1.2 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện (EPTC) theo giá bán điện tạm tính được thống nhất giữa hai bên. Các khoản chênh lệch phát sinh do điều chỉnh giá bán điện liên quan đến doanh thu đã được ghi nhận cho từng giai đoạn hoạt động sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành khi mà giá trị cần điều chỉnh được thống nhất giữa hai bên.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

12.1.3 Thu nhập bình quân

Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty trong năm 2014 là 27.450.000 đồng/người/tháng và dự kiến trong năm 2015 là 27.450.000 đồng/người/tháng.

12.1.4 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định.

12.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

12.1.6 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị.

Bảng 10: Số dư các quỹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Quỹ đầu tư và phát triển	20.440	20.851	20.851
2	Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.461	2.720	11.607

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý I năm 2015

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

Bảng 11: Bảng phân phối lợi nhuận năm 2013 và năm 2014

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
1	Lợi nhuận sau thuế của Công ty	8.219	1.590.963
2	Trích lập các quỹ + cổ tức		
	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	411	59.362
	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	3.955	20.000
	<i>Cổ tức</i>	-	460.800
3	Lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ + cổ tức	3.853	1.050.801
4	Lợi nhuận chưa phân phối	33.632	956.434

Nguồn: PV Power NT2

12.1.7 Tổng dư nợ vay

Bảng 12: Tổng dư nợ vay của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên Ngân hàng	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
I	VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	1.137.995	1.051.903	2.007.321
-	Vay ngắn hạn	1.137.995	1.051.903	1.003.660
	<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	1.137.995	1.051.903	1.003.660
II	VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	7.311.319	5.855.707	5.590.372

-	Vay dài hạn Ngân hàng	7.311.319	5.855.707	5.590.372
	<i>Ngân hàng Citibank⁽²⁾</i>	6.936.705	5.527.920	5.262.585
	<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam</i>	-	-	-
	<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	145.440	-	-
	<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng⁽³⁾</i>	229.174	200.527	200.527
	<i>Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh⁽⁴⁾</i>	-	127.260	127.260

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý I năm 2015

Ghi chú^{(2)+ (3)+ (4)}

⁽²⁾ Vào ngày 22/07/2010 và ngày 23/07/2010, Công ty đã ký các Hợp đồng vay với các Ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank, với Citibank là Ngân hàng đầu mối với tổng hạn mức vay là 215.380.981 Đô la Mỹ và 202.585.883 Euro, để tài trợ việc xây dựng Nhà máy điện. Các khoản vay này được Chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 01/06/2012. Tổng số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31/12/2014 lần lượt là 133.480.136 Euro (tại ngày 31/12/2013: 154.015.541 Euro) và 146.099.081 Đô la Mỹ (tại ngày 31/12/2013: 168.575.863 Đô la Mỹ).

⁽³⁾ Trong năm 2013, Công ty đã ký Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 286.467.044.714 đồng và với thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 25/12/2022, trong đó thời gian giải ngân chậm nhất đến ngày 30/06/2013. Hợp đồng vay này để tái tài trợ và thay thế Hợp đồng hạn mức 600 tỷ đồng số 02/2011/HĐTĐ-THD được ký ngày 31/03/2011 với Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Thành phố Hà Nội. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 20 kỳ. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất thả nổi.

⁽⁴⁾ Vào ngày 15/05/2014, Công ty đã ký Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh – Chi nhánh Cộng Hòa với số tiền vay là 163.619.754.337 đồng cho mục đích tái tài trợ khoản vay đầu tư dự án xây dựng Nhà máy điện Chu trình Hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (tái tài trợ và thay thế Hợp đồng hạn mức 200 tỷ đồng số 01/2011/HĐTĐ-THD được ký ngày 20/01/2011 với Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Thành phố Hà Nội). Thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 25/12/2022, trong đó thời gian giải ngân chậm nhất đến ngày 30/06/2014. Nợ gốc của các khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 18 kỳ. Lần trả nợ gốc đầu tiên của khoản vay nêu trên vào ngày 25/06/2014. Khoản vay này không có đảm bảo và lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động Việt Nam Đồng kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với lãi suất biên theo quy định của Hợp đồng và các lãi suất này được điều chỉnh 3 tháng/lần.

12.1.8 Tình hình công nợ

a. Các khoản phải thu

Bảng 13: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Phải thu khách hàng	36	36	658.030
2	Trả trước cho người bán	14.986	164.906	156.945
3	Các khoản phải thu khác	1.458.642	2.128.697	1.278.015
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(23.941)	(33.804)	(35.338)
Tổng cộng		1.449.723	2.259.835	2.057.652

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý I năm 2015

Bảng 14: Chi tiết các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Tiền bán điện cho Công ty Mua bán điện (EPTC)	1.412.706	2.085.644	1.234.334
2	Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua bán điện (EPTC)	42.154	42.154	42.154
3	Phải thu khác từ Tổng Công ty khí Việt Nam	3.106	-	-
4	Lãi dự thu	647	869	1.432
5	Khác	30	30	95
Tổng cộng		1.458.642	2.128.697	1.278.015

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý I năm 2015

b. Các khoản phải trả

Bảng 15: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
I	Nợ ngắn hạn	2.082.537	2.376.612	2.166.981
1	Vay và nợ ngắn hạn	1.137.995	1.051.903	1.003.660
2	Phải trả cho người bán	27.037	33.893	34.156

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
3	Người mua trả tiền trước	-	-	-
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.180	15.514	53.144
5	Phải trả công nhân viên	14.586	22.367	18.213
6	Chi phí phải trả	717.131	891.374	875.964
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	169.146	358.841	170.236
8	Dự phòng các khoản phải trả ngắn hạn	-	-	-
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.461	2.720	11.607
II	Nợ dài hạn	7.315.966	5.860.253	5.594.819
1	Phải trả nhà cung cấp dài hạn	-	-	-
2	Phải trả dài hạn khác	-	-	-
3	Vay và nợ dài hạn	7.311.319	5.855.706	5.590.372
4	Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	-	-
5	Dự phòng các khoản công nợ dài hạn	4.647	4.547	4.447
	Tổng cộng	9.398.503	8.236.865	7.761.800

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý I năm 2015

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	3 tháng năm 2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,95	1,37	1,63
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,85	1,26	1,51
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,77	0,66	0,62
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	3,37	1,94	1,64
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	24,98	21,80	5,11

	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,46	0,57	0,14
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,14%	22,52%	28,64%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,30%	45,23%	11,22%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	0,06%	12,90%	4,03%
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,12%	22,51%	30,13%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC Quý I năm 2015

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh thể hiện khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty khi đến hạn trả nợ, trong giai đoạn từ năm 2012 đến nay Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán ở ngưỡng an toàn, cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn dao động từ 0,82 đến 1,37 lần và hệ số thanh toán nhanh dao động từ 0,75 đến 1,26 lần. Đến hết năm 2014, Công ty đã tăng khoảng đầu tư ngắn hạn lên 540 tỷ đồng từ 246 tỷ đồng trong năm 2013, đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời hạn gửi dưới 3 tháng và lãi suất được hưởng từ 4,6% đến 6,0%/năm nên khả năng thanh toán của Công ty càng cao.

Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Chỉ tiêu về cơ cấu vốn thể hiện tỷ trọng nợ của Công ty trên tổng tài sản hoặc vốn chủ sở hữu. Nhìn chung, các chỉ tiêu liên quan đến cơ cấu không thay đổi nhiều qua các năm, tuy nhiên điểm nổi bật là Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu giảm mạnh từ 3,37 lần năm 2013 xuống 1,94 lần năm 2014, nguyên nhân là do kết quả hoạt động kinh doanh vượt trội, giúp lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng 194 lần so với năm 2013, dẫn đến vốn chủ sở hữu tăng mạnh trong năm 2014. Mặc khác do chi phí đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch khá cao, gấp hơn 4 lần so với vốn điều lệ đã làm cho hệ số nợ của Công ty ở mức tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng ngành. Tuy nhiên, phần lớn các khoản nợ này là vay dài hạn và được Chính phủ bảo lãnh nên Công ty sẽ không chịu nhiều áp lực về việc chi trả lãi vay bởi các khoản vay chiếm tỷ trọng khá thấp trong cơ cấu tổng tài sản.

Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Năng lực hoạt động của Công ty được đánh giá khả quan nhờ vào khả năng kiểm soát tốt chi phí sản xuất, điển hình trong năm 2014, chi phí này chỉ tăng 6,68% so với năm trước trong khi hàng tồn kho trong kỳ lại tăng mạnh do Công ty gia tăng việc nhập nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh như: dầu DO, nhiên liệu khí, các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng, làm cho vòng quay hàng tồn kho giảm còn 21,80 vòng. Riêng chỉ số doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân vẫn không có sự thay đổi lớn, dao động từ 0,39 đến 0,57

Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Trong hai năm 2012 và 2013, mặc dù nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã chính thức đi vào hoạt động vào cung cấp sản lượng điện bình quân khá cao 4,65 tỷ kWh nhưng Công ty vẫn chịu sức ép khá lớn từ chi phí tài chính mà đặc biệt là chi phí lãi vay và chi phí lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện ảnh hưởng. Sang năm 2014 tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty được cải thiện đáng kể trong đó đóng góp nhiều nhất là doanh thu tài chính với

giá trị mang về trong năm 2014 là 450 tỷ đồng cùng với việc sản lượng và giá mua bán điện tăng đã làm cho khả năng sinh lời của Công ty tăng mạnh đặc biệt là hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (45,23%) và hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (12,90%).

13. Hội đồng Quản trị; Ban Giám đốc; Ban kiểm soát; Giám đốc tài chính; Kế toán trưởng

Bảng 17: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát; Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/ Hộ chiếu
I. Hội đồng quản trị (HĐQT)				
1.	Lê Tự Hiếu	Chủ tịch HĐQT	1955	270633364
2.	Hoàng Xuân Quốc	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1957	010424139
3.	Lương Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	1962	011685960
4.	Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	1971	013328983
5.	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	1975	011726564
II. Ban Giám đốc (BGĐ)				
1.	Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc	1972	273366181
2.	Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc	1966	273500179
3.	Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc	1972	023836671
4.	Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc	1977	025312531
III. Ban kiểm soát (BKS)				
1.	Nguyễn Thị Hà	Trưởng Ban kiểm soát	1979	024919896
2.	Dương Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát	1966	022505692
3.	Nguyễn Văn Kỳ	Thành viên Ban kiểm soát	1981	151348035
IV. Kế toán trưởng (KTT)				
1.	Nguyễn Hữu Minh	Kế toán trưởng	1971	024792705

13.1 Hội Đồng Quản Trị

13.1.1 Ông LÊ TỰ HIẾU – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : LÊ TỰ HIẾU
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 25/10/1955



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2



Nơi sinh : Quảng Bình
Số chứng minh nhân dân : 270633364, cấp ngày 14/10/2010 tại Vũng Tàu
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 141 Ngô Đức Kế, Phường 7, Tp.Vũng Tàu
Số điện thoại liên lạc : (061) 2225 893
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác :
▪ Từ 1980 đến 1989 : Kế toán viên – Trường Công nhân Kỹ thuật Dầu khí Vũng Tàu
▪ Từ 1990 đến 1993 : Phó phòng Kế toán – Trường Công nhân Kỹ thuật Dầu khí Vũng Tàu
▪ Từ 1993 đến 1997 : Kế toán Trưởng – Trường Đào tạo nhân lực Dầu khí Vũng Tàu
▪ Từ 1998 đến 2000 : Trưởng chi nhánh – Trường Đào tạo nhân lực Dầu khí Vũng Tàu
▪ Từ 2001 đến 2006 : Kế toán trưởng – Ban QLDA Cụm khí Điện Đạm Cà Mau
▪ Từ 2006 đến 2007 : Phó Trưởng ban QLDA Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau
▪ Từ 6/2007 đến nay : Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 61.447.500 cổ phần, chiếm 24,0029% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam : 61.440.000 cổ phần, chiếm 24% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 7.500 cổ phần, chiếm 0,0029% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	TCT Điện lực Dầu khí VN	Đại diện cty mẹ	61.440.000	24 %	
2	Cao Thị Thu Hiền	Vợ	0	0%	
3	Lê Việt Hải	Con	0	0%	
4	Lê Thị Thảo	Con	0	0%	
5	Lê Việt Hưng	Con	0	0%	
6	Lê Duy Hân	Anh ruột	0	0%	
7	Lê Duy Hanh	Anh ruột	0	0%	
8	Lê Thị Hiến	Chị ruột	0	0%	

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
9	Lê Thị Hiệu	Chị ruột	0	0%	
10	Lê Minh Hồng	Em ruột	0	0%	
11	Lê Minh Thành	Em ruột	0	0%	
12	Lê Minh Tám	Em ruột	0	0%	
13	Lê Hoài	Cha	0	0%	Đã mất
14	Nguyễn Thị Huyền	Mẹ	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không
 Lợi ích liên quan với Công ty : không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

13.1.2 Ông HOÀNG XUÂN QUỐC – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Họ và tên : HOÀNG XUÂN QUỐC
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 22/12/1957
 Nơi sinh : Hà Nội
 Số chứng minh nhân dân : 010424139, cấp ngày 14/11/2005 tại Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : 11.06 Lô A, Cao Ốc Đất Phương Nam, 241A Đường Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
 Số điện thoại liên lạc : (061) 2225 893
 Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ
 Quá trình công tác :

- Từ 1975 đến 1977 : Đi bộ đội
- Từ 1977 đến 1982 : Sinh viên trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
- Từ 1982 đến 1987 : Giảng viên trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
- Từ 1987 đến 1991 : Nghiên cứu sinh tại CH Pháp, bảo vệ luận án Thạc sĩ (1988) và Tiến sĩ (1991)
- Từ 1992 đến 1995 : Giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học tại Pháp
- Từ 1995 đến 2001 : Cán bộ thuộc Bộ máy điều hành - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (Nay là Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam)

- Từ 2001 đến 2004 : Phó trưởng Ban QLDA cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau, trực tiếp phụ trách dự án Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Cà Mau.
- Từ 2004 đến 2006 : Phó Trưởng Ban Chuẩn bị đầu tư công trình Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn
- Từ 2006 đến 2007 : Phó Trưởng Ban Khí - Điện - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
- Từ T7/2007 đến nay : Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 40.960.000 cổ phần, chiếm 16% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam : 40.960.000 cổ phần, chiếm 16% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đại diện cty mẹ	40.960.000	16%	
2	Dương Thị Bích Hằng	Vợ	0	0%	
3	Hoàng Xuân Hiếu	Con	0	0%	
4	Hoàng Xuân Nhuận	Anh ruột	0	0%	
5	Hoàng Thị Đáo Tiếp	Chị ruột	0	0%	
6	Hoàng Xuân Nhị	Cha	0	0%	Đã mất
7	Nguyễn Thị Hoài Niệm	Mẹ	0	0%	Đã mất

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

13.1.3 Ông LƯƠNG NGỌC ANH – Thành viên HĐQT

Họ và tên : LƯƠNG NGỌC ANH

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 09/02/1962

Nơi sinh : Hà Nội

Số chứng minh nhân dân : 011685960, cấp ngày 01/08/2009 tại Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : P6 C4C Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
 Số điện thoại liên lạc : (04) 3835 3203
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa
 Quá trình công tác :
 ▪ Từ 1982 đến 1994 : Cán bộ viện nghiên cứu khoa học tự nhiên
 ▪ Từ 1994 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH phát triển công nghệ
 Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị - CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)
 Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH phát triển công nghệ
 Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 21.384.000 cổ phần, chiếm 8,353% vốn điều lệ
 ▪ Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghệ : 21.384.000 cổ phần, chiếm 8,353% vốn điều lệ
 ▪ Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghệ	Đại diện Cty	21.384.000	8,353%	
2	Đặng Thị Ngọc Bích	Vợ	0	0%	
3	Lương Đặng Phương Anh	Con	0	0%	
4	Lương Thùy Anh	Con	0	0%	
5	Lương Ngọc Tiến	Anh ruột	0	0%	
6	Lương Ngọc Sỹ	Anh ruột	0	0%	
7	Lương Thị Yến	Chị ruột	0	0%	
8	Lương Thị Thảo	Em ruột	0	0%	
9	Lương Ngọc Thắng	Em ruột	0	0%	
10	Lương Quý Trâm	Cha	0	0%	
11	Lê Thị Khánh	Mẹ	0	0%	Đã mất

Các khoản nợ với Công ty : không
 Lợi ích liên quan với Công ty : không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

13.1.4 Ông NGUYỄN MINH TUẤN - Thành viên HĐQT

Họ và tên : NGUYỄN MINH TUẤN
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 28/10/1971
 Nơi sinh : Nam Định
 Số chứng minh nhân dân : 013328983, cấp ngày 27/7/2010 tại CA TP.Nam Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : 36B, tổ 2, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
 Số điện thoại liên lạc : (061) 2225 893
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QLNL, Kỹ sư Điện
 Quá trình công tác :

- Từ 1996 đến 1997 : Nhân viên Phòng Kỹ thuật- Văn phòng Fujitsu tại Việt Nam
- Từ 1998 đến 2002 : Trưởng Phòng Dự án, Công ty TNHH Việt Á
- Từ 4/2002 đến 5/2007 : Quản lý bán hàng / dự án Ban Năng Lượng, Văn phòng đại diện Siemens AG tại Việt Nam
- Từ 10/2007 đến 3/2008 : Trưởng Phòng Kế hoạch- Công ty CPDVKT Điện lực Dầu khí Việt Nam
- Từ 4/2008 đến 7/2011 : Phó Giám đốc Công ty CPDVKT Điện lực Dầu khí Việt Nam
- Từ 8/2011 đến nay : Trưởng Ban Kỹ thuật – Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
Thành viên Hội đồng Quản trị - CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị - CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Ban Kỹ thuật - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Thành viên Hội đồng Quản trị - CTCP DVKT Điện Lực Dầu khí Việt Nam

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 25.600.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam : 25.600.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đại diện vốn công ty mẹ	25.600.000	10%	

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
2	Nguyễn Thị Thanh Hà	Vợ	0	0%	
3	Nguyễn Thu Thảo	Con	0	0%	Còn nhỏ
4	Nguyễn Thu Trang	Con	0	0%	Còn nhỏ
5	Nguyễn Cảnh Khoa	Con	0	0%	Còn nhỏ
6	Nguyễn Minh Tú	Em ruột	0	0%	
7	Nguyễn Trung Tùng	Em ruột	0	0%	
8	Nguyễn Trung Hiếu	Cha	0	0%	
9	Đoàn Thị Nhu	Mẹ	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không
 Lợi ích liên quan với Công ty : không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

13.1.5 Bà NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Thành viên HĐQT

Họ và tên : NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
 Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 31/8/1975
 Nơi sinh : Hà Nội
 Số chứng minh nhân dân : 011726564, cấp ngày 30/5/2007 tại Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 23, ngõ 160, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
 Số điện thoại liên lạc : (061) 2225 893
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác :

- Từ 1/1996 đến 7/2007 : Chuyên viên Tài chính Kế toán – Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí.
- Từ 8/2007 đến 11/2007 : Chuyên viên Tài chính Kế toán – Công ty CP Đầu tư & Tư vấn Tài chính dầu khí.
- Từ 12/2007 đến 3/2008 : Chuyên viên Ban Quản lý vốn – Công ty CP Đầu tư & Tư vấn Tài chính dầu khí.
- Từ 4/2008 đến 8/2008 : Kế toán trưởng – Ban Quản lý Dự án Bệnh viện Dầu khí Việt Nam.

- Từ 9/2008 đến 8/2009 : Chuyên viên Ban Tài chính kế toán & Kiểm toán – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- Từ 9/2009 đến nay : Phó trưởng Ban Tài chính Kế toán & Kiểm toán, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- Từ 6/2014 đến nay : Thành viên HĐQT- Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị - CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó trưởng ban TCKT&KT Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 25.600.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam : 25.600.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đại diện cty mẹ	25.600.000	10%	
2	Nguyễn Chí Thịnh	Chồng	0	0%	
3	Nguyễn Phương Thảo	Con	0	0%	
4	Trần Thị Nhật	Mẹ	0	0%	
5	Nguyễn Thu Hằng	Em ruột	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

13.2 Ban Giám đốc

13.2.1 Ông HOÀNG XUÂN QUỐC – Giám đốc

Thông tin về Giám đốc đã nêu ở trên.

13.2.2 Ông TRẦN QUANG THIÊN – Phó Giám đốc

Họ và tên : TRẦN QUANG THIÊN

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 15/01/1972



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Nơi sinh : Quảng Ngãi
Số chứng minh nhân dân : 273366181, cấp ngày 12/12/2007 tại Bà Rịa – Vũng Tàu
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Phú Mỹ, Tân Thành, Bà Rịa, Vũng Tàu
Số điện thoại liên lạc : (061) 2225 893
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ - Kỹ nghệ công nghiệp
Quá trình công tác :

- Từ 1996 đến 1998 : Chuyên viên ban quản lý các dự án Nhà máy điện Phú Mỹ - Bà Rịa
- Từ 1998 đến 2002 : Trưởng ca vận hành Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ 2002 đến 2003 : Tham gia Chương trình đào tạo Thạc sĩ tại Viện Công nghệ Châu Á
- Từ 2004 đến 7/2007 : Phó Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
- Từ 8/2007 đến 6/2009 : Quản đốc phân xưởng vận hành Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
- Từ 7/2009 đến 11/2010 : Phó Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
- Từ 12/2010 đến nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Giám đốc - CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Phạm Thị Thanh Huyền	Vợ	0	0%	
2	Trần Quang Khải	Con	0	0%	Còn nhỏ
3	Trần Quang Huy	Con	0	0%	Còn nhỏ
4	Trần Thị Vĩnh Uyên	Em ruột	0	0%	
5	Trần Quang Tuyên	Em ruột	0	0%	
6	Trần Quang Truyền	Em ruột	0	0%	
7	Trần Vĩnh Quang	Cha	0	0%	
8	Nguyễn Thị Thành	Mẹ	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

13.2.3 Ông NGÔ ĐỨC NHÂN – Phó Giám đốc

Họ và tên : NGÔ ĐỨC NHÂN
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 05/10/1966
Nơi sinh : Quảng Bình
Số chứng minh nhân dân : 273500179 Ngày cấp: 14/7/2009 tại Bà Rịa – Vũng Tàu
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 55 Phan Chu Trinh, Phường 2, Tp. Vũng Tàu, tỉnh BR-VT
Số điện thoại liên lạc : (061) 2225 893
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí; Kỹ sư kinh tế
Quá trình công tác :

- Từ 1991 đến 1993 : Cán bộ kỹ thuật xí nghiệp thuốc lá Quảng Bình Phó bí thư Đoàn cơ sở xí nghiệp
- Từ 1993 đến 1996 : Phụ trách kỹ thuật xí nghiệp nước khoáng ban Quảng Bình, Bí thư chi đoàn xí nghiệp
- Từ 1996 đến 2000 : Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban QLDA Khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam - nay là Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam
- Từ 2000 đến 2001 : Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban chuẩn bị đầu tư cụm khí điện đạm Cà Mau
- Từ 2001 đến 2004 : Tổ trưởng có khí Phòng dự án Đạm, Ban QLDA Khí điện đạm Cà Mau
- Từ 2004 đến 2006 : Phó phòng Chuẩn bị sản xuất - Đào tạo, ban QLDA khí điện Đạm Cà Mau
- Từ 2006 đến 2007 : Trưởng Phòng Chuẩn bị sản xuất - đào tạo, Ban QLDA Khí Điện đạm Cà Mau. Bí thư chi bộ Chuẩn bị sản xuất - đào tạo
- Từ 2007 đến 2010 : Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Đào tạo, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2
- Từ 2010 đến nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Giám đốc - CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 5.000 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 5.000 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Giang	Vợ	0	0%	
2	Ngô Đức Công Thành	Con	0	0%	Còn nhỏ
3	Ngô Nữ Quỳnh Giao	Con	0	0%	Còn nhỏ
4	Ngô Đức Vận	Em ruột	0	0%	
5	Ngô Thị Hợi	Em ruột	0	0%	
6	Ngô Thị Trang	Em ruột	0	0%	
7	Ngô Thị Trưng	Em ruột	0	0%	
8	Ngô Đức Khánh	Em ruột	0	0%	
9	Ngô Thị Bích Ngọc	Em ruột	0	0%	
10	Ngô Đức Hoàn	Cha	0	0%	
11	Lê Thị Doan	Mẹ	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không
 Lợi ích liên quan với Công ty : không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

13.2.4 Ông TRẦN QUANG MÃN – Phó Giám đốc

Họ và tên : TRẦN QUANG MÃN
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 06/02/1972
 Nơi sinh : Đồng Tháp
 Số chứng minh nhân dân : 023836671, cấp ngày 31/8/2000 tại CA TP.Hồ Chí Minh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 53, đường 53, Phường Tân Quy, Quận 7, Tp. HCM
 Số điện thoại liên lạc : (061) 2225 893
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hệ thống Điện
 Quá trình công tác :

- Từ 1993 đến 1998 : Kỹ sư điện phòng Kỹ thuật - Công ty Khảo sát Thiết kế điện 2 (Nay là Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2 - PECC 2)
- Từ 1998 đến 1999 : Tổ trưởng tổ điện, Phòng Thiết kế Nhiệt điện - PECC 2
- Từ 1999 đến 2002 : Phó Ban tư vấn Phú Mỹ - PECC 2
- Từ 2002 đến 2007 : Phó Ban tư vấn Nhiệt Điện 3 - PECC 2

- Từ 2007 đến 2011 : Trưởng phòng Dự án CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Từ 2011 đến nay : Phó Giám đốc CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Giám đốc - CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 2000 cổ phần, chiếm 0,0008% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 2000 cổ phần, chiếm 0,0008% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Hà	Vợ	0	0%	
2	Trần Ngọc Hà Thanh	Con	0	0%	Con nhỏ
3	Trần Ngọc Quỳnh Anh	Con	0	0%	Con nhỏ
4	Trần Quang Minh	Anh ruột	0	0%	
5	Trần Ngọc Thơm	Cha	0	0%	Đã mất
6	Bùi Kim Xuyên	Mẹ	0	0%	Đã mất

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

13.2.5 Ông NGUYỄN NGỌC HẢI – Phó Giám đốc

Họ và tên : NGUYỄN NGỌC HẢI

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 19/12/1977

Nơi sinh : Quảng Bình

Số chứng minh nhân dân : 025312531, cấp ngày 28/05/2010 tại TP.Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 9/6 Võ Trường Toản, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. HCM

Số điện thoại liên lạc : (061) 2225 893

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác :

- Từ 2002 đến 2005 : Kỹ sư, chuyên viên Công ty kinh doanh Công trình giao thông 565

- Từ 2005 đến 2006 : Chuyên viên phòng Dự án – Ban quản lý Dự án Khí Điện Đạm Cà Mau
- Từ 2007 đến 3/2010 : Phó phòng Xây dựng – CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Từ 3/2010 đến 11/2011 : Trưởng phòng Xây dựng – CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Từ 11/2011 đến 11/2013: Trưởng phòng Xây dựng kiêm Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp – CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Từ 11/2013 đến nay : Phó Giám Đốc – CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Giám Đốc - CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 7.500 cổ phần, chiếm 0,0029% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 7.500 cổ phần, chiếm 0,0029% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Hoàng Thị Minh Huệ	Vợ	0	0%	
2	Nguyễn Hoàng	Con	0	0%	Còn nhỏ
3	Nguyễn Ngọc Hải Châu	Con	0	0%	Còn nhỏ
4	Nguyễn Thị Hoài Sơn	Chị ruột	0	0%	
5	Nguyễn Thành Long	Anh ruột	0	0%	
6	Nguyễn Thị Thanh Hà	Chị ruột	0	0%	
7	Nguyễn Ngọc Lâm	Cha	0	0%	
8	Trần Thị Lộc	Mẹ	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

13.3 Ban Kiểm Soát

13.3.1 Bà NGUYỄN THỊ HÀ – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên : NGUYỄN THỊ HÀ

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 06/03/1979

Nơi sinh : Hà Nội



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

- Số chứng minh nhân dân : 024919896, cấp ngày 29/4/2010 tại TP.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 25/37 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : (061) 2225893
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng
- Quá trình công tác :
- Từ 3/2001 đến 12/2001 : Nhân viên XNK Công ty TNHH Golden Friends
 - Từ 1/2002 đến 8/2002 : Nhân viên XNK Công ty TNHH Ô tô Phương Khanh
 - Từ 9/2002 đến 11/2006 : Chuyên viên Lao động tiền lương – Ban QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ - TPHCM
 - Từ 12/2006 đến 8/2007 : Phó phòng Hành chính – Tổ chức – Ban QLDA Điện Nhơn Trạch
 - Từ 9/2007 đến 12/2009 : Trưởng phòng Hành chính – Tổ chức – Công ty Tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí 2
 - Từ 1/2010 đến nay : Trưởng Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát, Ủy viên BCH Đảng bộ, Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra – Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó trưởng ban nữ công, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Công đoàn TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Đạt	Chồng	0	0%	
2	Nguyễn Đức Anh	Con	0	0%	Còn nhỏ
3	Nguyễn Duy Anh	Con	0	0%	Còn nhỏ
4	Nguyễn Thị Giang	Em ruột	0	0%	
5	Nguyễn Văn Sơn	Em ruột	0	0%	
6	Nguyễn Văn Hùng	Cha	0	0%	
7	Đỗ Thị Hiền	Mẹ	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

13.3.2 Ông TRẦN QUỐC HÙNG – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : TRẦN QUỐC HÙNG

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 16/06/1975

Nơi sinh : Quảng Bình

Số chứng minh nhân dân : 025338239, cấp ngày 27/08/2010 Nơi cấp: TP.HCM

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 2E Đường 31, P. Bình Trưng Tây, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại liên lạc : (061) 222 5893

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính - Bảo hiểm và Cử nhân Luật chuyên ngành Luật

Quá trình công tác :

- Từ 10/1997 - 12/1997 : Chuyên viên Kế toán chuyên quản công ty địa phương - Chi nhánh Bảo hiểm Nhân thọ Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty Bảo hiểm Nhân thọ (Bảo Việt).
- Từ 01/1998 - 08/2001 : Chuyên viên Kế toán Tổng hợp, Kế toán chuyên quản - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn
- Từ 09/2001 - 09/2003 : Chuyên viên Phát triển và Quản lý đại lý - Cty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn
- Từ 10/2003 - 02/2004 : Phó Trưởng Phòng Phục vụ Khách hàng Khu vực số 15 - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn
- Từ 03/2004 -06/2005 : Phụ trách Phòng Phục vụ Khách hàng Khu vực số 19 - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn
- Từ 07/2005 -01/2010 : Trưởng Phòng Phục vụ Khách hàng Khu vực số 07 - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn
- Từ 02/2010 - 12/2010 : Chuyên viên Kế toán Tổng hợp, Kế toán quản trị, Kế toán hồ sơ thanh toán điện, khí - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch
- Từ 01/2011 - đến nay : Phó Bí thư Chi Bộ Tổ chức Hành chính & Tài chính Kế toán thuộc Đảng Bộ Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch Phó Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát - CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : 0
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Trần Xuân Phong	Cha	0	0%	
2	Trần Thị Chanh	Mẹ	0	0%	
3	Trịnh Thị Hoa	Vợ	0	0%	
4	Trần Thảo Anh	Con	0	%	
5	Trần Lâm Anh	Con	0	0%	
6	Trần Lam Anh	Con	0	0%	
7	Trần Trung Thông	Anh	0	%	
8	Trần Quang Minh	Anh	0	0%	
9	Trần Thị Mỹ Nhung	Em	0	0%	
10	Trần Thị Mai Hương	Em	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

13.3.3 Ông NGUYỄN VĂN KỶ – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : NGUYỄN VĂN KỶ
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 05/10/1981
 Nơi sinh : Thái Bình
 Số chứng minh nhân dân : 151348035 Ngày cấp: 03/12/2009 Nơi cấp: CA Thái Bình
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Phường Tảo 2, Xuân Hòa, Vũ Thư, Thái Bình
 Số điện thoại liên lạc : 04 3 8353203
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
 Quá trình công tác :
 ▪ Từ 2003 đến nay : Công tác tại Công ty TNHH Phát triển công nghệ.

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát - CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Đỗ Thị Thi	Vợ	0	%	
2	Nguyễn Công Chiến	Con	0	0%	
3	Nguyễn Công Minh	Con	0	0%	
4	Nguyễn Văn Đại	Anh ruột	0	%	
5	Nguyễn Xuân Lượng	Anh ruột	0	0%	
6	Nguyễn Thị Tứ	Em ruột	0	0%	
7	Nguyễn Văn Trường	Cha	0	%	
8	Đỗ Thị Toan	Mẹ	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

13.4 Kế toán trưởng

Ông NGUYỄN HỮU MINH – Kế toán trưởng

Họ và tên : NGUYỄN HỮU MINH
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 13/07/1971
Nơi sinh : Thanh Hóa
Số chứng minh nhân dân : 024792705, cấp ngày 07/01/2008 tại TP.Hồ Chí Minh
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Phòng 14.11. Block B Cao Ốc An Khang, Phường An Phú, Quận 2, Tp.Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc : (061) 2225 893
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán thương mại dịch vụ.

Quá trình công tác :

- Từ 9/1993 đến 5/1994 : Nhân viên kế toán Cty Chế biến nông sản XK Thanh hóa
- Từ 6/1994 đến 9/1997 : Kiểm soát viên thuế Cục thuế tỉnh Thanh Hóa
- Từ 2/1998 đến 10/1999 : Kế toán ban điều hành dự án kiến thiết cơ bản mỏ Nhà máy xi măng Nghi Sơn
- Từ 10/1999 đến 1/2001 : Phụ trách kế toán Xí nghiệp xây dựng kỹ thuật hạ tầng - Công ty Xây dựng và SXVLXD
- Từ 01/2001 đến 4/2001 : Nhân viên kế toán Công ty XD&SXVLXD - CC1
- Từ 5/2001 đến 10/2007 : Phó phòng TCKT Công ty XD&SXVLXD - CC1
- Từ 10/2007 đến 11/2007 : Nhân viên KT Ban QLDA Điện Nhơn Trạch
- Từ 12/2007 đến 1/2008 : Phó phòng TCKT Ban QLDA Điện Nhơn Trạch
- Từ 1/2008 đến 4/2009 : Phó phòng TCKT- Công ty tư vấn QLDA Điện lực dầu khí 2
- Từ 4/2009 đến 6/2010 : Kế toán trưởng - Công ty tư vấn QLDA Điện lực dầu khí 2
- Từ 7/2010 đến nay : Kế toán trưởng - CTCP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2

Công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng - CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan :

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Lê Thị Hồng Minh	Vợ	0	0%	
2	Nguyễn Lê Ngọc Mai	Con	0	0%	Còn nhỏ
3	Nguyễn Hữu Minh Trí	Con	0	0%	Còn nhỏ
4	Nguyễn Thị Chung	Chị ruột	0	0%	
5	Nguyễn Hữu Tuấn	Em ruột	0	0%	
6	Nguyễn Hữu Thủy	Cha	0	0%	
7	Nguyễn Thị Đàm	Mẹ	0	0%	

Các khoản nợ với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

14. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 18: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Loại tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	11.294.006	(3.018.217)	8.275.789
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc	2.971.126	(478.281)	2.492.845
2	Máy móc thiết bị	8.287.746	(2.522.537)	5.765.209
3	Phương tiện vận tải	28.707	(14.801)	13.906
4	Thiết bị văn phòng	6.427	(2.598)	3.829
II	Tài sản cố định vô hình	30.198	(55)	30.143
1	Quyền sử dụng đất	21.603	-	21.603
2	Phần mềm	8.596	(55)	8.541
Tổng cộng		11.324.204	(3.018.272)	8.305.932

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014

Bảng 19: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/03/2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Loại tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	11.294.966	(3.188.399)	8.106.567
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc	2.971.262	(514.945)	2.456.317
2	Máy móc thiết bị	8.287.746	(2.655.026)	5.632.720
3	Phương tiện vận tải	28.707	(15.532)	13.174
4	Thiết bị văn phòng	7.252	(2.896)	4.356
II	Tài sản cố định vô hình	30.198	(406)	29.793

1	Quyền sử dụng đất ⁽⁵⁾	21.603	-	21.603
2	Phần mềm	8.596	(406)	8.190
Tổng cộng		11.325.164	(3.188.805)	8.136.359

Nguồn: BCTC Quý I năm 2015

Chi tiết tài sản là đất đai thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty

TT	Tên tài sản	Diện tích (m2)	Ghi chú	Thời gian sử dụng đất
1	Khu đất chung cư CC1.2 – Khu dân cư Phước An – Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	11.442	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Lâu dài
2	Khu đất tại Phước Khánh, Nhơn Trạch	294.724,8	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	đến ngày 30/6/2034

Nguồn: NT2

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2015 và 2016

15.1 Kế hoạch

Bảng 20: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015 và 2016

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Dự kiến năm 2015 (***)		Dự kiến năm 2016	
				Giá trị	(+/-) so với năm 2014	Giá trị	(+/-) so với năm 2015
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	7.065	5.970	-15,50%	6.983	16,97%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.591(*)	661 (**)	-58,45%	701 (**)	6,05%
3	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	4.247	3.486	-17,92%	3.748	7,52%
4	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	22,52%	10,03%	-55,46%	10,03%	-
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	45,23%	18,68%	-58,70%	19,37%	3,69%
6	Cổ tức	%	18%	22%	22,22%	18%	-

Nguồn: PV Power NT2

(): Lợi nhuận trước thuế năm 2014 là 1.591 tỷ đồng đã bao gồm doanh thu tài chính với giá trị 450 tỷ đồng từ việc đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm*

*(**): Lợi nhuận trước thuế năm 2015 và năm 2016 chưa bao gồm doanh thu tài chính từ việc đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm*

*(***): Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 07/NQ-CPNT2 ngày 22/04/2015, Công ty đã thông qua các chỉ tiêu liên quan đến kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2015*

15.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2015 và 2016

❖ Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Quyết định số 386/QĐ-TTg ngày 09/03/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về chiến lược phát triển của Ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025.
- Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 27/12/2007 của Thủ Tướng Chính phủ duyệt chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2050.
- Quyết định số 3150/QĐ-DKVN ngày 15/04/2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc giao Kế hoạch SXKD 05 năm 2011-2015 và điều chỉnh chiến lược phát triển của PV Power đến năm 2015, định hướng đến năm 2025.
- Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21/07/2011 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030.
- Nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 ngày 22/04/2015 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Hợp đồng mua bán điện với giá điện chính thức ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của năm 2014, nhu cầu phụ tải và huy động phát điện của Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia.

❖ Nhiệm vụ

- Chuyển giao dịch cổ phiếu NT2 từ sàn UPCOM sang niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) và phân đấu từng bước xây dựng mã cổ phiếu NT2 trở thành một trong những mã cổ phiếu đứng đầu trong ngành điện.
- Kiện toàn, nâng cao công tác quản trị tạo sự chuyển biến rõ rệt và nâng cao hình ảnh PV Power NT2 trên thị trường.
- Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh.
- Chuẩn bị các thủ tục để triển khai đầu tư xây dựng dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng.
- Thực hiện tốt và vượt kế hoạch tiêu tu 02 tổ máy tuabin khí (GT11, GT12) trong năm 2015, 2016;
- Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán trả nợ vay.
- Công tác mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, vật tư phục vụ sửa chữa bảo dưỡng/dự phòng và các trang thiết bị khác đúng theo quy chế/quy định.
- Tiếp tục bổ sung hoàn thiện các quy trình/quy phạm trong việc quản lý vận hành nhà máy,

các quy định quản lý nội bộ.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy và làm chủ công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành/bảo dưỡng/sửa chữa Nhà máy.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý. Tăng cường các khóa đào tạo Quản lý kỹ thuật, thị trường phát điện cạnh tranh cho các bên trực tiếp vận hành.
- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất, chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Nghiêm túc triển khai thực hiện việc tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty.
- Tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội; Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong Công ty.
- Xây dựng và thực hiện thành công văn hóa doanh nghiệp.
- Thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ khác.

❖ **Các chỉ tiêu kế hoạch**

▪ **Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng**

- ✓ Sản lượng điện thương mại năm 2015: 4.295 Triệu Kwh.
- ✓ Sản lượng điện thương mại năm 2016: 4.295 Triệu Kwh.

▪ **Kế hoạch tài chính**

Năm 2015

- ✓ Tổng doanh thu năm 2015: 5.970.260.000.000 đồng;
- ✓ Lợi nhuận trước thuế: 660.725.000.000 đồng;
- ✓ Dự kiến chia cổ tức năm 2015: 22%

Năm 2016

- ✓ Tổng doanh thu năm 2016: 6.983.280.000.000 đồng;
- ✓ Lợi nhuận trước thuế: 700.660.000.000 đồng;
- ✓ Dự kiến chia cổ tức năm 2016: 18%

Công ty dự kiến sản lượng điện thương mại trong năm 2015 và năm 2016 là 4.295 triệu Kwh trong khi tổng doanh thu của năm 2016 lại tăng so với năm 2015 là do 2 nguyên nhân chính sau:

- ✓ Yếu tố nhiên liệu: Nhiên liệu khí của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được cung cấp từ Công ty vận chuyển khí Đông Nam Bộ - đơn vị thành viên của Tổng Công ty Khí Việt Nam thông qua Hợp đồng mua bán khí đã được ký kết giữa hai bên. Ngoài ra, theo lộ trình tăng giá khí của Chính Phủ thì giá khí của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hàng năm tăng khoảng 2%. Vì vậy, đối với nhà máy nhiệt điện khí thì chi phí nguyên liệu đầu vào đóng góp khá lớn chiếm khoảng 60 – 70% giá thành, bên cạnh đó chi phí nguyên liệu đầu vào được chuyển toàn bộ vào giá bán điện nên doanh thu của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sẽ tăng theo tỷ lệ tăng giá khí dẫn đến trường hợp doanh thu thuần năm 2016

tăng trong khi sản lượng điện vẫn như năm 2015;

- ✓ Yếu tố giá trần thị trường điện (giá điện có thể được huy động khi chạy theo thị trường phát điện cạnh tranh: Giá trần thị trường điện hàng năm đều tăng cụ thể tại ngày 01/01/2014 giá trần thị trường là 1.168 đồng/kWh, ngày 01/01/2015 là 1.280 đồng/kWh. Vì vậy, dẫn đến có thể trong năm 2016 nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chạy cùng một sản lượng nhưng được thanh toán (doanh thu) cao hơn so với năm 2015.

- **Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ:**

Phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm phân đấu hoàn thành kế hoạch tiêu tu 02 tổ máy tuabin khí trong năm 2015, 2016.

- **Kế hoạch chuyển giao dịch cổ phiếu NT2 từ sàn UPCOM sang niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) và xây dựng thương hiệu NT2:**

Dự kiến công tác chuyển giao dịch cổ phiếu NT2 từ sàn UPCOM sang niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) Quý II/2015.

Từng bước xây dựng thương hiệu NT2 trở thành mã chứng khoán hàng đầu về ngành điện trên thị trường.

- **Kế hoạch lập báo cáo sơ bộ khả năng đầu tư dự án NMD NT2 mở rộng:**

Dự kiến giai đoạn 2016 – 2020 là giai đoạn phục hồi đã tăng trưởng của các nền kinh tế lớn trên thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng sau giai đoạn dài suy thoái kinh tế, khủng hoảng tài chính vừa qua. Vì vậy, nhu cầu điện năng cho phát triển kinh tế xã hội đất nước sẽ tăng. Bên cạnh đó, Trong bối cảnh một số dự án Nhà máy điện than công suất lớn trong cả nước bị chậm tiến độ vì nhiều lý do khác nhau, thì việc xem xét đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng là một trong những giải pháp hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện năng phục vụ cho phát triển kinh tế của đất nước và góp phần đưa PV Power trở thành đơn vị đứng thứ hai sau EVN về Tổng sản lượng điện.

- ✓ Năm 2015: Lập báo cáo phương án đầu tư, xin bổ sung quy hoạch, xin chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền và triển khai công tác.
- ✓ Quý IV/2016: Khởi công dự án.
- ✓ Quý III/2019: hoàn thành dự án đưa nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng vào vận hành thương mại.

Nhằm để có cơ sở triển khai các thủ tục trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt, PV Power NT2 đã làm việc với PV GAS về khả năng cung cấp khí và đã có công văn số 03/CPNT2-KTKH ngày 05/01/2015 gửi Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2 (PECC2) về việc lập báo cáo nghiên cứu sơ bộ dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng. Sau khi nhận được báo cáo sơ bộ của PECC2 thì PV Power NT2 sẽ xem xét báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng do PV Power NT2 làm chủ đầu tư vào quy hoạch điện quốc gia (Tổng sơ đồ VII điều chỉnh) làm căn cứ triển khai các công việc tiếp theo.

❖ **Giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2015, 2016**

▪ ***Giải pháp về sản xuất – thị trường***

- ✓ Quán triệt và thực hiện tốt các chủ trương, chỉ đạo của PVN/PV Power.
- ✓ Phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với EVN/A0/EPTC, PVGas và các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo công tác vận hành diễn ra đúng kế hoạch, đạt chất lượng và đúng tiến độ
- ✓ Chú trọng triển khai thực hiện chào giá hợp lý, đảm bảo tối ưu công tác vận hành trong thị trường điện cạnh tranh nhằm mang đến hiệu quả cao nhất về: sản lượng điện, doanh thu, lợi nhuận và đồng thời luôn phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác thanh toán nghiêm túc, đúng thời gian quy định.
- ✓ Tăng cường nghiên cứu và triển khai thực hiện thị trường phát điện cạnh tranh để đảm bảo an toàn, tiết kiệm, hiệu quả nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- ✓ Tăng cường công tác quản lý về kỹ thuật (tuân thủ nghiêm ngặt và cập nhật liên tục các quy trình hoạt động vận hành, khắc phục và điều tra rút kinh nghiệm sự cố...).
- ✓ Tăng cường công tác giám sát An ninh trật tự, An toàn - Sức khỏe – Môi trường để đảm bảo vận hành an toàn và hiệu quả.
- ✓ Chủ động xử lý các bất thường thiết bị trong lúc vận hành bình thường, khi có sự cố xảy ra nhanh chóng kiểm tra, xử lý khôi phục lại các tổ máy đưa vào vận hành một cách nhanh nhất.
- ✓ Chủ động lập phương án ngăn ngừa, xử lý các sự cố có thể xảy ra, đặc biệt là các sự cố dẫn đến việc giảm công suất hoặc phải ngừng máy trong quá trình vận hành các tổ máy; Thường xuyên cập nhật theo dõi, rút kinh nghiệm, khuyến khích các giải pháp cải tiến kỹ thuật trong quá trình vận hành sản xuất.
- ✓ Thường xuyên báo cáo với PV Power kịp thời xử lý, tháo gỡ mọi khó khăn vướng mắc trong quá trình xây dựng dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường sinh thái nhằm mục tiêu phát triển hiệu quả và bền vững.

▪ ***Giải pháp về đầu tư vốn***

- ✓ Dự kiến năm 2015 tăng 10% Vốn điều lệ
- ✓ Duy trì tỷ trọng vốn sở hữu của PVN/PV Power để có sự hỗ trợ trong quản lý và phát triển kinh doanh.
- ✓ Tìm kiếm các nguồn vốn ưu đãi ngoài Tập đoàn như vốn vay hoặc đầu tư của các Tập đoàn khác, tổ chức tài chính trong nước ...để đầu tư mở rộng nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Thu hút thêm các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư liên doanh liên kết bằng nhiều hình thức để nâng cao nguồn vốn đầu tư, học hỏi kinh nghiệm và cách quản lý.
- ✓ Tìm kiếm nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ quỹ hỗ trợ phát triển và các nguồn vay song phương khác của nước ngoài cho mục tiêu phát triển các dự án năng lượng.

- **Giải pháp về quản lý và nguồn lực**
 - ✓ Tối ưu hóa cơ cấu tổ chức hợp lý hóa việc sử dụng năng lực, kinh nghiệm của CBCNV nhằm tạo lập hệ thống vận hành và quản lý dự án hoạt động linh hoạt, đồng bộ, lấy hiệu quả làm đầu.
 - ✓ Xây dựng môi trường làm việc văn minh, hiện đại; phát triển các phong trào hoạt động thi đua sản xuất kinh doanh trong Công ty; Thu hút các cán bộ giỏi, có kinh nghiệm thực tế gắn bó lâu dài để góp phần củng cố và phát triển Công ty; Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV; Tạo không khí phấn khởi, tin tưởng, đoàn kết chung sức chung lòng vì mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.
 - ✓ Thường xuyên tăng cường công tác giám sát tại hiện trường để kiểm tra tình hình vận hành và quản lý dự án.
 - ✓ Tăng cường phối hợp với PVGas, PVPS trong công tác cung cấp nhiên liệu và công tác bảo dưỡng, công tác Đại tu/trung tu/tiểu tu các tổ máy để giảm thiểu nguy cơ bất thường có thể phát sinh sự cố của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2
 - ✓ Tăng cường công tác theo dõi, thống kê các thông số liên quan tới vận hành sản xuất điện hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng để tổng hợp lập báo cáo theo dõi các định mức, thông số vận hành nhằm có cơ sở rà soát và đánh giá đưa ra các giải pháp, phương thức vận hành phù hợp.
 - ✓ Tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của các cổ đông và chỉ đạo từ PVN/PV Power nhằm tận dụng tối đa sự nhất trí và đồng thuận cao về các chủ trương và định hướng trong quá trình triển khai dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng.

- **Giải pháp về tổ chức đào tạo và khoa học công nghệ**
 - ✓ Tăng cường công tác đào tạo để nâng cao năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ của CBCNV nhằm đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển của Công ty; Tận dụng năng lực và kinh nghiệm sẵn có của bộ máy nhân lực hiện có của công ty với mục tiêu tiết kiệm chi phí, đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo tính hiệu quả và đồng bộ trong công tác vận hành và quản lý đầy tư dự án.
 - ✓ Chú trọng, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để tất cả CBCNV đều tham gia nghiên cứu, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Đẩy mạnh các phong trào thi đua sáng tạo, cải tiến kỹ thuật đồng thời nhanh chóng đưa các sáng kiến cải tiến áp dụng vào thực tế trên cơ sở không ảnh hưởng đến sản xuất.
 - ✓ Tăng cường thực hiện nghiên cứu và áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng tại nhà máy mang lại hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường.
 - ✓ Đẩy mạnh công tác xây dựng và ứng dụng chương trình quản lý bảo dưỡng bằng máy tính để hỗ trợ trong quản lý, điều hành sản xuất đạt chất lượng cao.

▪ **Giải pháp bảo vệ môi trường**

- ✓ Đầu tư vào những công nghệ hiện đại, tiên tiến vừa tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo môi trường chung cho toàn xã hội.
- ✓ Trong đầu tư cũng như trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phải đặc biệt quan tâm công tác bảo vệ môi trường nhất là trong thi công xây dựng dự án và xử lý các khí thải, chất thải công nghiệp

15.3 Kế hoạch tăng vốn điều lệ:

Trong năm 2015, Công ty dự kiến tăng 7% vốn điều lệ bằng hình thức chia cổ phiếu thưởng/cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 07/ NQ-CPNT2 ngày 22/04/2015, Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 7%.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 cũng như về các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

SSI xét thấy năm 2014, hoạt động kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng vượt bậc so với những năm trước, trong đó đóng góp đáng kể đến từ:

- (i) Thứ nhất, việc ghi nhận hồi tố giá điện cho giai đoạn từ 2011 – 2013 thông qua việc điều chỉnh chênh lệch giá điện, với tổng giá trị ghi nhận trong năm là 658 tỷ đồng, làm cho tổng doanh thu từ hoạt động bán điện tăng mạnh, từ mức 5.880 tỷ đồng năm 2013 lên 7.065 tỷ đồng năm 2014, tăng 20,13% trong khi những năm trước chỉ tăng chưa đến 8%.
- (ii) Thứ hai, doanh thu tài chính tăng đột biến, đạt giá trị là 450 tỷ đồng, tăng gấp 9 lần so với cả năm 2013, chủ yếu là do lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ EUR theo tỷ giá mua của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm 31/12/2014, chiếm trên 89% tổng doanh thu tài chính, tương ứng 404 tỷ đồng.

Chính hai nhân tố trên đã hỗ trợ rất nhiều cho kết quả hoạt động kinh doanh của PVPower NT2 trong năm 2014, dẫn đến lợi nhuận sau thuế đạt 1.591 tỷ đồng, tăng gần 193 lần so với cả năm 2013 và tăng 207 lần so với năm 2012 và đây là một trong những điểm nổi bật nhất của Công ty trong năm vừa qua.

Xét về cổ tức, tính đến thời điểm hiện nay, Công ty đã hoàn tất việc tạm ứng cổ tức đợt 2, tức 13% bằng tiền mặt, do đó Công ty đã hoàn thành đúng nghĩa vụ cũng như cam kết với cổ đông là 18%. Năm 2015, Công ty dự kiến mức chi trả cao hơn 22% trong đó 7% cổ tức bằng cổ phiếu và 15% cổ tức bằng tiền mặt, mức chi trả này đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 số 07/NQ-CPNT2 ngày 22/04/2015.

Mặt khác, căn cứ theo Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2015, doanh thu thuần của PVPower NT2 đạt được 1.758 tỷ đồng (chiếm 29,45% kế hoạch cả năm) và lợi nhuận trước thuế 530 tỷ đồng (đạt 80,18% kế hoạch cả năm), nên Công ty hoàn toàn có khả năng đạt được toàn bộ chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2015 với dự kiến sản lượng điện đạt 4,29 tỷ Kwh và giá điện sẽ tiếp tục được điều chỉnh tăng trong thời gian tới trong trường hợp không có những biến động lớn ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm sau.

Ghi chú: Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo, không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.



17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

Không

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

Không

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- | | | |
|-----------|---|-----------------------------|
| 1. | Loại chứng khoán: | Cổ phiếu phổ thông |
| 2. | Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 3. | Tổng số chứng khoán niêm yết: | 256.000.000 cổ phiếu |
| 4. | Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức phát hành: | |

❖ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 175.006.000 cổ phiếu, đây là số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phần này trong 6 tháng tiếp theo, bao gồm:

- Số lượng cổ phiếu của Hội đồng Quản trị nắm giữ là : 7.500 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu của Ban kiểm soát nắm giữ là : 0 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu của Ban Giám đốc nắm giữ là : 14.500 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu của Giám đốc tài chính nắm giữ là : 0 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu của Kế toán trưởng nắm giữ là : 0 cổ phiếu; và
- Số lượng cổ phiếu của cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát là : 174.984.000 cổ phiếu.

Danh sách cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và cổ đông lớn là người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty tại thời điểm 22/05/2015.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Số CMND/ĐKKD
I	Hội đồng quản trị (HĐQT)			
1.	Lê Tự Hiếu	Chủ tịch HĐQT	7.500	270633364
2.	Lương Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	-	011685960
3.	Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	013328983
4.	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	-	011726564
5.	Hoàng Xuân Quốc	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	-	010424139
II	Ban Giám đốc (BGĐ)			
5.	Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc	-	273366181
6.	Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc	5.000	273500179
7.	Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc	2.000	023836671

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Số CMND/ĐKKD
8.	Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc	7.500	025312531
III Ban kiểm soát (BKS)				
9.	Nguyễn Thị Hà	Trưởng Ban kiểm soát	-	024919896
10.	Trần Quốc Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	-	022505692
11.	Nguyễn Văn Kỳ	Thành viên Ban kiểm soát	-	151348035
IV Kế toán trưởng (KTT)				
12.	Nguyễn Hữu Minh	Kế toán trưởng	-	024792705
V Cổ đông lớn là người có liên quan đến thành viên HĐQT, BGD, BKS				
13.	Công ty TNHH MỘT Thành Viên - Tổng Công Ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam	Cổ đông lớn	153.600.000	0102276173
14.	Cty TNHH Phát Triển Công Nghệ	Cổ đông lớn	21.384.000	0100276033

Nguồn: PV POWER NT2

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là giá được tính toán dựa trên phương pháp so sánh Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần (P/E) với các doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết và Giá trị sổ sách của Công ty. Ghi chú: Đây chỉ là hai trong những phương pháp tính giá mà nhà đầu tư có thể tham khảo, ngoài ra, giá của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 còn phụ thuộc vào cung cầu thị trường.

5.1 Phương pháp so sánh Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần: Price/Earnings (P/E)

Dựa trên giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần (hay lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu, "EPS") của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh khá tương đồng với PV Power NT2 đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hệ số P/E trung bình được tính toán. Từ đó:

Giá trị của cổ phiếu NT2 = P/E trung bình x EPS (PV Power NT2)

Các Công ty dùng để so sánh với PV Power NT2 bao gồm:

Mã CK	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	EPS trailin g	Giá (thời điểm 1/04/2015)	P/E	Giá trị thị trường (tại thời điểm 1/04/2015)	Tỉ trọng theo giá trị thị trường	Trung bình trọng số
BTP	60.485.600	2.449	15.500	6,33	937.526.800.000	7,88%	0,50
PPC	318.154.614	2.288	25.200	11,01	8.017.496.272.800	67,35%	7,42

SBA	60.288.331	1.085	10.800	9,96	651.113.974.800	5,47%	0,54
SJD	40.999.150	4.032	31.200	7,74	1.279.173.480.000	10,75%	0,83
HJS	14.999.989	1.065	11.800	11,08	176.999.870.200	1,49%	0,16
NBP	12.865.500	3.506	19.400	5,53	249.590.700.000	2,10%	0,12
SEB	20.000.000	2.184	29.600	13,55	592.000.000.000	4,97%	0,67
					11.903.901.097.800	P/E trung bình	10,25

Nguồn: SSI Research

- EPS kiểm toán năm 2014 của NT2 là 4.638 đồng/cổ phiếu;
- Chỉ số P/E bình quân ngành là 10,25 lần
- Giá dự kiến cổ phiếu của CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 theo phương pháp so sánh P/E:

$$\begin{aligned}
 \text{Giá cổ phiếu dự kiến niêm yết} &= \text{P/E trung bình ngành} \times \text{EPS kiểm toán năm 2014 của PV Power NT2} \\
 &= 10,25 \times 4.638 \\
 &= \underline{\underline{47.521 \text{ đồng/cổ phiếu}}}
 \end{aligned}$$

5.2 Phương pháp Giá trị sổ sách:

- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu} = \frac{\text{Tổng tài sản} - (\text{Tài sản vô hình} + \text{Nợ})}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu của CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 tại các thời điểm như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Tổng tài sản – (Tài sản vô hình + Nợ)	đồng	2.782.450.413.503	2.766.073.102.170	4.216.540.399.476
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	cổ phiếu	256.000.000	256.000.000	256.000.000
Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	<u>10.869</u>	<u>10.805</u>	<u>16.471</u>

5.3 Tổng hợp giá tham chiếu của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2:

Phương pháp tính/Hệ số sử dụng	Giá trị (đồng/cổ phiếu)
P/E	47.521
Giá trị sổ sách	16.471

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, giá niêm yết dự kiến không thấp hơn 17.000 đồng/cổ phiếu. Đồng thời xem xét tình hình thị trường chứng khoán vào thời điểm Công ty chính thức chuyển sàn và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/NQ-CPNT2 ngày 26/05/2015, theo đó giá niêm yết cổ phiếu

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính trên cơ sở lấy giá trị bình quân giá tham chiếu của 09 phiên giao dịch kể từ phiên giao dịch cuối cùng trên sàn giao dịch UPCOM trở về trước.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định tại Luật Đầu Tư và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên SGDCK TP.HCM thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 5,503% vốn điều lệ.

7. Các loại thuế liên quan

7.1 Đối với Công ty

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với hoạt động chính từ sản xuất và kinh doanh điện năng:

- Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 22% cho những năm tiếp theo.
- Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.
- Theo đó, từ năm 2015 cho đến hết năm 2023, Công ty sẽ bắt đầu chịu thuế suất thay vì được miễn thuế như 4 năm trước (từ năm 2011 cho đến hết năm 2014)

Đối với hoạt động khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

b. Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của *Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013* và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

7.2 Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4a, Điều 2, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ khoản 5, Điều 16, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

- Thu nhập từ cổ tức:

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%.

Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Trụ sở chính: Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (84-612) 225 899

Fax: (84-612) 225 897

Email:

Website: www.pvpnt2.com

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Hội sở

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 2897

Fax: (84.8) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ

Địa chỉ: 92-98 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821 8567

Fax: (84.8) 3291 0590

Chi nhánh Vũng Tàu

Địa chỉ: Số 04 Lê Lợi, Tp. Vũng Tàu

Điện thoại: (84.64) 3521 906

Fax: (84.31) 3521 907

Chi nhánh Nha Trang

Địa chỉ: 50 Lê Thanh Phương, Tp. Nha Trang

Điện thoại: (84.58) 3816 969

Fax: (84.58) 3816 968

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3936 6321

Fax: (84.4) 3936 6311

Chi nhánh Trần Bình Trọng

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3942 6718

Fax: (84.4) 3942 6719

Chi nhánh Mỹ Đình

Địa chỉ: Tầng G, Toà nhà The Manor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3794 6699

Fax: (84.4) 3794 6677

Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Q.Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Điện thoại: (84.31) 3569 123

Fax: (84.31) 3569 130

3. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 18, Tòa nhà Times Square, Số 22 – 36 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 8 3910 0751

Fax: +84 8 3910 0750

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Website: www.deloitte.com/vn

VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất
- Phụ lục 2:** Giấy phép hoạt động điện lực
- Phụ lục 3:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2014 số 14/NQ-CPNT2 ngày 04/12/2014 thông qua việc chuyển sàn giao dịch cổ phiếu NT2 từ UPCOM sang niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- Phụ lục 4:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số số 07/ NQ-CPNT2 ngày 22/04/2015
- Phụ lục 5:** Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Phụ lục 6:** Quy chế Quản trị Công ty
- Phụ lục 7:** Báo cáo tài chính kiểm toán 31/12/2013
- Phụ lục 8:** Báo cáo tài chính kiểm toán 31/12/2014
- Phụ lục 9:** Báo cáo tài chính 31/03/2015
- Phụ lục 10:** Các văn bản pháp lý khác



BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2



Nhon Trạch, ngày 28 tháng 5 năm 2015

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Lê Tự Hiệu
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hà
Trưởng Ban kiểm soát

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG
Giám đốc Phụ trách phía Nam Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

